

TAM QUỐC DI SỰ

QUYỂN 2

Văn Võ Vương Pháp Mẫn:

Vương lên ngôi vào năm Tân Dậu, niên hiệu Long Sóc. Ở vùng biển Nam thuộc Tứ Thử có xác chết một người nữ thân cao bảy mươi ba thước, chân dài sáu thước, âm dài ba thước. Hoặc có người nói thân mười tám thước, đó là năm Đinh Mão, niên hiệu Càn Phong thứ hai.

Năm Mậu Dần, niên hiệu Tổng Chương, Vương thống lĩnh đại quân cùng với Nhân Ván, Khâm Thuần... đến thành Bình Nhưỡng hội cùng binh Đường diệt Cao Ly, Nguyên Soái quân Đường là Lý Tích bắt Cao Tang Vương (vì tánh cao ngạo nên gọi là Cao Tang. Theo Cao ký trong Đường thư, vào năm Canh Thân, niên hiệu Hiên Khánh thứ năm, Tô Định Phương... chinh phạt Bách Tế, sau mười hai tháng lại đánh Cao Ly thì làm sao hợp với đại tướng quân) về kinh Vương làm Phối Đạo Hành Quân Đại Tổng Quản, Tô Định Phương làm Liêu Đông Đạo Đại Tổng Quản, Lưu Bá Anh làm Bình Nhưỡng Đạo Đại Tổng Quản để đánh Cao Ly. Tháng giêng năm Tân Dậu, Tiêu Từ Nghiệp làm Đại Phù Dư Đạo Tổng Quản, Nhậm Nhã Tương làm Phối Giang Đạo Tổng Quản dẫn ba mươi lăm vạn quân đánh Cao Ly. Tháng tám năm Mậu Tuất, Tô Định Phương... giao chiến với quân Cao Ly ở Phối giang, Phương đại bại. Đến tháng sáu năm Bính Dần, niên hiệu Càn Phong thứ nhất, sai Bàng Đồng Thiện, Cao Khản, Tiết Nhân Quý, Lý Cẩm Hành... làm hậu viện. Tháng chín Bàng Đồng Thiện giao chiến với quân Cao Ly, bị đại bại. Tháng mười hai năm Kỷ Dậu, Đế phong Lý Tích làm Liêu Đông Đạo Hành Quân Đại Tổng Quản thống lĩnh quân của sáu tổng quản chinh phạt Cao Ly. Đến ngày Quý Sửu tháng chín năm Mậu Thìn niên hiệu Tổng Chương thứ nhất, Lý Tích bắt được Cao Tang Vương dẫn về Kinh. Ngày Đinh Dậu tháng mười hai năm ấy đưa tù binh trình lên Đế. Tháng hai năm Giáp Tuất, niên hiệu Thượng Nguyên thứ nhất, Lưu Nhân Quỹ làm Kê Lâm Đạo Tổng Quản, đem binh đánh Tân La; nhưng Hương Cổ Ký ghi: Vua Đường sai Lục Lộ Tướng Quân là Khổng Cung, Thủy Lộ

Tướng Quân là Hữu Tướng, cùng với tướng Tân La là Kim Dữu Tín... diệt Cao Ly. Còn ở đây lại nêu Nhân Vấn, Khâm Thuần mà không có Dữu Tín, chưa rõ vì sao?

Bấy giờ các đoàn quân lưu động của nhà Đường đã có nơi trấn thủ, nhưng các tướng này lại bày mưu đánh quân ta. Vương biết được bèn phát binh. Năm sau Cao Tông sai sứ triệu Nhân Vấn đến trách rằng: Nước các người xin binh ta diệt Cao Ly mà nay lại hại quân ta là vì sao?

Bèn hạ chiếu sai Viên Phi thao luyện năm mươi vạn binh, phong Tiết Bang làm Nguyên soái, chinh phạt Tân La. Bấy giờ Nghĩa Tướng Pháp sư sang Đường cầu học, đến gặp Nhân Vấn, Nhân Vấn thuật lại việc trên, ngài Nghĩa Tướng bèn gấp về báo lại. Vương nghe được vô cùng kinh hãi hội quần thần tìm kế sách phòng ngự. Giác Can Kim Thiện Tôn tâu rằng: Gần đây có Pháp sư Minh Lãng xuống Long cung, được truyền cho bí pháp mà trở về, xin Đại vương ban chiếu thỉnh đến thực hỏi. Minh Lãng nói rằng: Hãy xây chùa Tứ Thiên Vương ở rừng Thần Du phía Nam Long sơn, khai mở đạo tràng thì mới chống giữ được. Bấy giờ có sứ giả ở Trinh châu chạy về cấp báo rằng: Quân Đường đã vào địa phận nước ta, nhưng còn đang đi thuyền trên biển. Vương lập tức triệu ngài Minh Lãng đến báo rằng: Việc đã cấp bách lắm rồi, phải làm sao?

- Lấy lụa năm màu giả tạo thành chùa, lấy cỏ kết thành tượng thần ngũ phương. Chọn mười hai vị Tăng Du-già, ngài Minh Lãng làm thượng thủ tu pháp bí mật Văn Đậu Lôu; bấy giờ quân Đường và quân Tân La chưa giao chiến. Bỗng nhiên cuồng phong thổi đến, biển dâng ba đào nhận chìm tất cả thuyền bè của quân Đường. Sau sáng lập chùa này đặt tên là Tứ Thiên Vương Tự, đến nay đạo tràng vẫn hưng thịnh (quốc sử nói sáng lập vào năm Kỷ Mão niên hiệu Điều Lộ thứ nhất).

Đến năm Tân Mùi, vua Đường lại sai Triệu Hiến làm soái dẫn năm vạn binh sang đánh Tân La. Ngài Minh Lãng cũng thực hành phép này và thuyền của quân Đường cũng chìm như trước.

Bấy giờ Hàn Lâm Thị Lang Phác Văn Tuấn cũng cùng ở trong ngục với Nhân Vấn, được vua Cao Tông triệu đến hỏi rằng: “Nước người có mật pháp gì mà ta hai lần phát đại binh đi mà không có người trở về?”

Văn Tuấn tâu rằng: “Bồi Thần đến Thượng quốc đã hơn mười một năm rồi, không biết việc trong nước mình. Chỉ từ xa nghe được một việc thế này: Vì mang nặng ân đức của thượng quốc, thống nhất Tam Hàn,

muốn báo đáp, nên vua nước Thần mới sáng lập một ngôi chùa tên là Tứ Thiên Vương ở Nam Lang sơn, đã cầu chúc cho hoàng đế thọ vạn niên, và mãi mãi khai pháp tịch mà thôi!”

Vua Cao Tông nghe nói vui mừng, sai lễ bộ thị lang Nhạc Bằng Quý đi sứ sang Tân La để quan sát ngôi chùa này. Vương nghe sứ nhà Đường sắp đến, vì chẳng muốn cho thấy ngôi chùa này, nên lại xây một ngôi chùa khác phía Nam Tứ Thiên Vương tự để tiếp đãi. Sứ đến nói rằng: “Đầu tiên phải dâng hương tại chùa Tứ Thiên Vương, nơi chúc Hoàng đế vạn thọ”. Vương bèn dẫn đến ngôi chùa mới lập. Sứ giả đứng trước cổng nói rằng: Đây chẳng phải là chùa Tứ Thiên Vương, mà là chùa Vọng Đức Diêu Sơn.

Vì thế không vào chùa, mọi người bèn tặng cho một ngàn lạng vàng. Sứ trở về tâu rằng: “Tân La lập chùa Tứ Thiên Vương, nhưng chúc Thánh thọ ở chùa mới mà thôi.

Nhân sứ nhà Đường gọi như thế nên đặt tên cho ngôi chùa mới là Vọng Đức tự (có người nói vào đời Hiếu Chiêu Vương là lầm).

Vương nghe Văn Tuấn khéo tâu bày, Đế lại có ý muốn tha về, nên sai Cường Thủ Tiên Sinh soạn biểu xin tha Nhân Vấn, sai Xá nhân Viễn Vũ dâng biểu lên vua Đường. Vua xem xong, cảm động rơi lệ, bèn tha tội cho Nhân Vấn và an ủi rồi tiễn về. Khi Nhân Vấn ở trong tù thì người trong nước vì ông lập chùa, đặt tên là Nhân Duy tự, lập đạo tràng Quan Âm, đến khi được trở về, bị chết trên biển thì đổi làm đạo tràng Di-đà, đến nay vẫn còn.

Đại vương ở ngôi hai mươi một năm, đến năm Tân Ty, niên hiệu Vĩnh Long thứ hai thì băng hà, di chiếu an táng trên đảo trong biển Đông. Bình sinh Vương thường nói với Pháp sư Trí Nghĩa rằng: “Thân sau của Trẫm nguyện làm Hộ quốc Đại Long để phụng sự Phật pháp, bảo vệ quốc gia!”.

Pháp sư nói: “Rồng là quả báo súc sinh thì sao?” Vương đáp: “Trẫm đã chán vinh hoa thế gian từ lâu rồi, nếu được quả báo làm súc sinh, thì hợp với lòng của Trẫm!”.

Thời gian Vương tại vị đã lập kho ở Nam sơn, dài năm mươi bộ, rộng mười lăm bộ, tàng trữ gạo thóc, binh khí, gọi là Hữu Thương; lại lập Tả Thương ở trên núi phía Tây Bắc chùa Thiên Ân. Biệt Bản ghi: “Năm Tân Hợi niên hiệu Kiến Phước thứ tám xây thành Nam sơn, chu vi hai ngàn tám trăm năm mươi bộ”. Đó là xây dựng vào đời Chân Đức Vương, đến nay mới trùng tu. Lại mới lập thành Phú sơn, ba năm mới xong. Bên sông An Bắc xây Thiết thành. Lại muốn xây thành quách ở

Kinh đô, đã sắp xếp đầy đủ quan lại, bấy giờ Pháp sư Nghĩa Tướng gửi thơ nói rằng: “Nếu việc trị chánh của vua sáng tỏ thì tất cả cỏ cây gò núi đều là thành quách; dân chẳng dám vượt qua, khả dĩ trừ được tai họa, tăng được phước đức. Nếu việc trị chánh của vua bất minh thì dù có thành rộng dài, thì cũng không trừ được tai họa”.

Vua nghe thế bèn bãi bỏ công việc này. Ngày mười tháng ba năm Bính Dần, niên hiệu Lâm Đức, nô tỳ tên là Cát Y sinh ba đứa con. Ngày mồng bảy tháng giêng năm Canh Ngọ, niên hiệu Tống Chương thứ ba, tỳ nữ của Nhất Sơn Cấp Can còn gọi là Thành Sơn Hà Can ở Hán Kỳ Bộ, một người sinh bốn con, một người sinh ba con, triều đình cấp cho hai trăm thạch để giúp đỡ.

Lại chinh phạt Cao Ly, vì cháu của vua nước ấy trở về nước, lập lại vị chân cốt (vương).

Một hôm vương nói với người em kế là Xa Đắc Công rằng: “Khanh nên làm Tế Tướng, đứng đầu trăm quan, trị an bốn biển”.

Xa Đắc Công nói: “Nếu bệ hạ phong cho Tiểu thần làm tế tướng, thì thần xin ngẫm đi khắp nước xem xét dân tình hỏi về sự an nhàn hay khổ nhọc của việc phu dịch, thuế má nặng nhẹ, quan lại trong đục, sau đó mới nhận chức.”

Vương cho phép, Công bèn mặc áo thâm, cầm đàn tỳ bà, giả hình cư sĩ, xuất phát từ kinh đô, qua Sắt La châu (nay là Minh châu), Ngưu Thủ châu (nay là Xuân châu), Bắc Nguyên kinh (nay là Trung châu) đến Võ Trân châu (nay là Hải Dương), đi khắp thôn xóm; quan châu là An Cát thấy một dị nhân bèn mời về nhà, tận tình tiếp đãi, đến đêm An Cát gọi ba thê thiếp lại mà nói rằng: “Người mà hầu hạ vị cư sĩ tá túc đêm nay, sẽ cùng vị ấy suốt đời chung thân!”

Hai người nói rằng: “Đâu chẳng từng chung sống, vì sao lại cùng qua đêm với người khác!”

Một người thiếp khác nói rằng: “Nếu ngài chấp nhận suốt đời chung sống, thì thiếp xin tuân mệnh!”

Công chấp thuận. Sáng sớm hôm sau, Cư sĩ từ giả lên đường, trước khi đi có nói rằng: “Tôi là người ở kinh thành, nhà ở khoảng giữa hai ngôi chùa Hoàng Long và Hoàng Thánh, tôi tên là Đao Ngộ (tục gọi Đao Ngộ là Xa Y), chủ nhân nếu đến Kinh đô, xin tìm đến nhà tôi! Nói xong Công trở về kinh đô nhậm chức Tế Tướng. Theo phép của triều đình, thường dùng một vị quan ở các châu về kinh đô nhận chức Thượng Thú. Nay các bộ ghi thiếu người này. Vừa lúc đến lượt An Cát làm Thượng Thú kinh đô. An Cát hỏi nhà của Cư sĩ Đao Ngộ ở giữa

hai ngôi chùa, nhưng không ai biết. An Cát đứng bên đường một hồi lâu, bỗng nhiên có một ông lão đi qua; nghe An Cát nói, ông lão cũng suy nghĩ hồi lâu rồi nói:

- Ngôi nhà giữa hai chùa chính là Đại nội, Đao Ngọ tức là Xa Đắc Lĩnh Công. Lúc mặt đi tuần thú các quận bên ngoài, ắt đã có duyên hội ngộ với ông ư?

An Cát trình bày sự thật. Ông lão nói:

Ông đến phía Tây hoàng thành, đứng ngay cửa chánh đợi các cung nữ ra vào mà báo. An Cát nghe theo, báo rằng: “An Cát ở Võ Trân Châu đang đứng ngoài cửa!”

Công nghe được, liền ra cầm tay dẫn vào cung, mời phi của Công ra gặp mặt, thiết đãi yến tiệc có hơn năm mươi món. Công tâu lên Vương, Vương lấy những mẫu ruộng dưới chân Tinh Phù Sơn (còn gọi là Tinh Tổn Hồ Sơn) làm Võ Trân Châu Thượng Thú Nhiếu Mộc Điền, cấm người chặt cây phá hại, mọi người chẳng dám đến gần; trong ngoài đều kính mộ Công. Dưới núi có ba mươi mẫu ruộng gieo cấy được ba thạch giống. Nếu ruộng này được mùa thì Võ Trân Châu cũng được mùa, ruộng này mất mùa thì Trân Châu cũng mất mùa.

Vạn Ba Túc Dịch:

Đời ba mươi mốt là Thần Văn Đại Vương, húy là Chánh Minh, họ Kim, lên ngôi ngày bảy tháng bảy năm Tân Tỵ, niên hiệu Khai Diệu thứ nhất, vì vua cha là Văn Võ Đại Vương mà sáng lập chùa Cẩm Ân ở bên bờ Đông hải (Bài Ký của chùa ghi: Văn Võ Vương muốn trấn dẹp binh Nhật Bản nên mới lập chùa này, nhưng chưa xong thì Võ Vương đã băng hà, làm Hải Long; con của Vương là Thần Văn kế vị xây dựng đến niên hiệu Khai Diệu thứ hai thì hoàn thành; dưới nền của Kim đường có khai một cái hang hướng về phía Đông, đủ để rông vào chùa uốn lượn, là nơi đặt hài cốt của vua theo di chiếu, gọi là Đại Vương Nham. Chùa tên là Cẩm Ân, sau gọi nơi thấy rồng hiện hình là Lợi Kiến đài). Ngày mồng một tháng năm năm Nhâm Ngọ (có bản ghi niên hiệu Thiên Thọ nguyên niên là lầm) quan lo về biển là Ba Trân Tự Phác Túc Thanh tâu rằng: “Trong biển Đông có một ngọn núi nhỏ trôi về hướng chùa Cẩm Ân, theo sóng nhấp nhô”.

Vua lấy làm lạ bảo quan coi về ngày tháng là Kim Xuân Chất (còn gọi là Xuân Nhật) chiếm một quẻ. Xuân Chất tâu rằng: “Tiên đế nay làm Hải Long trấn giữ Tam Hàn, hơn nữa Kim Công Dữu Tín là một Thái tử của trời Đế Thích giáng làm đại thần, hai vị thánh này đồng

đức, muốn đưa ra vật báu giữ thành; nếu bệ hạ xa giá đến biển Đông ắt sẽ được vật báu vô giá.”

Vương vui mừng, đến ngày mồng bảy tháng ấy ngự giá đến Lợi Kiến đài, nhìn về hòn núi kia và bảo người quan sát, thì thấy núi có hình thế như đầu rùa, trên có một cảnh trúc ban ngày thì phân làm hai, ban đêm thì hợp làm một (có thuyết nói rằng, núi cũng ngày đêm khai hợp như thế). Sứ đến tâu xong, Vương về chùa Cẩm Ân nghỉ đêm. Đến giờ Ngọ hôm sau, khi thanh trúc hợp lại làm một thì trời đất chấn động, gió mưa mờ mịt đến ngày mười sáu mới gió lặng sóng yên. Vương ra biển rồi vào núi ấy. Bỗng có một con rồng dâng hiến một đai ngọc màu đen, vương ra nghinh tiếp rồi cùng ngồi mà hỏi rằng: “Núi và cảnh trúc này lúc phân lúc hợp là thế nào?” Rồng đáp: “Ví như một tay thì không thể vỗ vào nhau để phát ra âm thanh, hai tay vỗ vào nhau thì mới phát ra âm thanh. Cảnh trúc này là một vật, hợp lại thì mới phát ra âm thanh. Đây là điềm Thánh Vương dùng âm thanh trị vì thiên hạ. Vương nên lấy cảnh trúc này làm cây Địch mà thổi thì thiên hạ thái bình. Nay Hoàng Khảo của Vương làm Đại Long trong biển, Dữu Tín Công làm Thiên thần, hai vị Thánh đồng tâm mà xuất sinh ra vật báu vô giá này và sai tôi dâng cho vương!”

Vương vừa kinh sợ vừa vui mừng dùng gấm lụa năm màu và vàng ngọc để đáp trả, sai người chặt cảnh trúc kia. Khi vừa trở lại biển thì rồng và trúc đều biến mất. Đêm ấy Vương ở lại chùa Cẩm Ân, qua ngày mười bảy đến bên bờ suối phía Tây chùa Kỳ Lâm để dùng cơm trưa. Thái tử Lý Cung (tức Hiếu Chiêu Đại Vương) đang xử lý triều chánh nghe tin này liền phóng ngựa đến chúc mừng. Từ Tế tâu rằng: “Các hạt ngọc của đai ngọc này đều là các con rồng thật!” Vua nói: “Làm sao người biết được?”. Thái tử tâu rằng: “Ném một hạt xuống nước thì rõ”. Bèn ném hạt thứ hai bên trái xuống dòng suối, tức biến thành một con rồng lớn bay lên trời, và nơi đó trở thành một cái vực sâu, gọi là Long Uyên. Vua trở về cung, lấy cảnh trúc ấy làm ống địch, cất giữ trong Thiên Tôn Khố ở Nguyệt thành. Khi thổi ống địch này thì binh liền lui, bệnh tật tiêu trừ, trời hạn thì tuôn mưa, trời mưa thì liền tạnh, gió lặng sóng yên, gọi là Vạn Ba Tứ Địch, là quốc bảo. Đến thời Hiếu Chiêu Đại Vương, năm Quý Ty niên hiệu Thiên Thọ, nhân điều linh dị Thất Lễ Lang sống lại, nên phong hiệu là Vạn Vạn Ba Ba Tứ Địch. Xin xem rõ nơi truyện ấy.

Đời Hiếu Chiêu Vương:

Trúc Chỉ Lang (còn gọi là Trúc Mạn Lang, cũng gọi là Trí Quan)

Vào đời vua thứ ba mươi hai là Hiếu Chiêu Vương, có học trò của Trúc Mạn Lang là Đắc Ô Cấp Can, nổi tiếng là phong lưu và thông kinh sử, ngày ngày theo đuổi con đường làm quan, nhưng mười ngày qua chẳng gặp mặt. Trúc Mạn đến hỏi mẹ của Cấp Can rằng: “Con của bà nơi đâu?”

- “Ích Tuyên A Can quan tổng binh Mâu Lương bắt con tôi làm sai dịch ở kho thành Phủ sơn, dẫn đi luôn, vì quá gấp nên chẳng đến cáo từ ông.”

- “Con bà nếu vì việc tư mà đến đó thì chẳng cần phải tìm đến hỏi, nay vì việc công mà đi, thì cần phải dẫn trở về.”

Nói xong liền chuẩn bị một hộp bánh, một bình rượu, rồi liền cùng đi với Tá nhân (phương ngôn gọi Giai Sát Tri là nô bộc). Học trò của Trúc Chỉ gồm một trăm ba mươi bảy người đầy đủ oai nghi đi theo. Đến thành Phú Sơn hỏi lính canh hiện giờ Đắc Ô Thất ở đâu; lính canh trả lời là đang làm việc tại ruộng của Ích Tuyên. Trúc Chỉ đến ruộng lấy bánh và rượu dâng cho Ích Tuyên xin phép được dẫn Đắc Ô Thất trở về. Ích Tuyên nhất định không cho phép. Bấy giờ có sứ là Lại Khản Trân quản lý việc thu thuế ở quận Thôi Hòa, thu chuyển ba mươi thạch lúa thuế vào thành, khen ngợi Trúc Chỉ trọng kẻ sĩ có phong cách, chê Tuyên ngu si chẳng biết, nên tặng ba mươi thạch lúa mà mình đã lãnh cho Ích Tuyên để hỗ trợ việc xin về. Nhưng Ích Tuyên vẫn không chịu, lại phải đưa bộ yên cương của một nô bộc nhà Khản Trân, lúc ấy mới ưng thuận. Hoa chúa ở triều đình nghe tin sai người bắt Ích Tuyên đem đi tắm rửa sạch những xấu xa dơ ւế. Ích Tuyên bỏ trốn, quan quân bắt con trưởng của Ích Tuyên dẫn đi. Bấy giờ là tháng mười một mùa Đông, trời rất lạnh, tắm tại hồ nước ở thành, nước đóng băng mà chết. Đại Vương nghe được, ban sắc rằng: Dân ở Mâu Lương, nếu làm quan thì bị truất bỏ, không được đến công sở, không được mặc y phục màu đen, nếu làm Tăng thì không được đến chùa Chung Cổ, lại ban sắc cho Sử Thượng, Khản Trân, Tử Tôn làm Bình Định Hộ, Tôn rất lấy làm kỳ lạ. Bấy giờ Pháp sư Viên Trắc là bậc cao đức ở Hải Đông, vì là người ở Mâu Lương nên không được trao cho tăng chức.

Thuật Tông Công làm Đô Đốc Sứ Hồ châu, lên đường nhận nhiệm sở, bấy giờ Tam Hàn loạn lạc khắp nơi, nên cấp ba ngàn kỵ mã hộ tống. Đi đến Trúc Chỉ lãnh, ông thấy một cư sĩ đang dọn dẹp bằng phẳng con đường này liền khen ngợi, Cư sĩ cũng khen ông có uy phong lẫm liệt, cả

hai đồng cảm nhận trong lòng như thế. Tông Công đến nhiệm sở, một tháng sau, nằm mộng thấy Cư sĩ bước vào phòng. Cả nhà đồng thấy như thế, ông vô cùng kinh ngạc, nên sáng hôm sau sai người đi hỏi thăm Cư sĩ có được an ổn chăng, được mọi người trả lời là: “Cư sĩ mới chết chưa lâu”. Người trở về thưa lại với Tông Công rằng:

“Ông ấy chết đồng một ngày mà chúng ta mộng thấy!” Tông Công nói: “Chắc Cư sĩ sinh vào nhà ta!”

Ông liền sai người lo sắp đặt an táng Cư sĩ tại ngọn phía Bắc trên Trúc Chỉ Lãnh, tạo tượng Di-lặc bằng đá tôn trí trước mộ.

Sau đêm mộng thì một người vợ của Tống Công có thai, đến khi sinh ra, đặt tên là Trúc Chỉ. Trúc Chỉ còn trẻ mà đã làm quan, từng làm phó soái cho Dữu Tín Công thống nhất Tam Hàn, là Tế Tướng của bốn đời vua Chân Đức, Thái Tông, Văn Võ, Thần Văn, để an định bờ cõi.

Lúc đầu Đắc Ô Cốc mến mộ Trúc Chỉ, nên làm bài ca:

*Khử ẩm xuân giai lý mẽ
Mao Đông cư sát sa khốc ốc thi dĩ ưu âm
A đông âm nãi sát hảo chi tứ ô ẩn
Mạo sử niên số tộ âm đọa chi hành tề
Mục yên hồi ư thi thất sử y y
Phùng ô chi ác tri tác bình hạ thị
Lang dã mộ lý thi tâm vị
Hành hồ thi đạo thi
Bồng thứ sát hạng trung túc thi dạ âm hữu sát hạ thị.*

Thánh Đức Vương:

Đời vua ba mươi ba là Thánh Đức Vương, năm Bính Ngọ, niên hiệu Thần Long thứ hai, mất mùa, nhân dân đói khát. Ngày mồng một tháng giêng cho đến ngày ba mươi tháng giêng năm Đinh Mùi triều đình cứu dân cấp lương thực, mỗi nhân khẩu một ngày là ba thăng làm chuẩn, tính tổng cộng sau khi hoàn tất là ba vạn năm trăm ngàn thạch. Vương lập chùa Phụng Đức để cầu phước cho Thái Tông Đại Vương, lập Nhân Vương Đạo Tràng bảy ngày, đại xá thiên hạ. Vào đời vua này mới có chức Thị Trung (có bản ghi là đời Hiến Thành Vương).

Thủy Lộ Phu Nhân:

Vào thời Thánh Đức Vương, Thuần Trinh Công trên đường nhận chức Thái Thú Giang Lăng (nay là Minh Châu), một hôm đi đến biển kia thì dừng lại dùng cơm trưa, ở đây có vách đá cao ngàn trượng như

tắm bình phong ngăn bờ biển. Trên vách đá hoa nở đầy. Phu nhân của Công tên là Thủy Lộ thấy thế mới bảo mọi người rằng:

- Ai lên hái hoa dâng cho ta?

Tùy tùng đáp rằng:

- Người không thể lên đến đó được!

Tất cả đều từ chối, không làm được. Bỗng có một ông lão dắt một con trâu cái đi ngang qua, nghe phu nhân nói hái hoa, bèn ca một bài để tặng. Nhưng chẳng biết ông lão đó là ai. Lại đi thêm hai ngày đường nữa, một hôm ăn cơm trưa tại một cái đình bên bờ biển bỗng nhiên Hải Long bắt phu nhân xuống biển mất tăm, Trinh Công kinh hãi té ngã trên đất, không có kế gì để Hải Long xuất hiện. Bỗng nhiên có một ông lão bảo rằng:

- “Người xưa từng bảo: “Lời nói của nhiều người làm chảy cả vàng ròng”. Nay loài bàng sinh trong biển này há chẳng sợ lời nói của nhiều người ư? Ngài nên huy động nhân dân trong vùng tụ tập bên bờ biển, soạn lời ca cho họ xướng, cầm gậy đánh vào bờ biển thì có thể gặp được phu nhân!”

Trinh Công làm theo lời chỉ bảo, thì rồng biển liền ôm phu nhân rời biển trả lại cho Công, Công hỏi phu nhân về việc dưới biển. Phu nhân nói rằng:

- “Cung điện toàn làm bằng bảy báu, thức ăn thơm ngon vô cùng, nhân gian chẳng thể nấu nướng được.”

Áo quần của phu nhân, lúc ấy vẫn còn mùi hương lạ, không có ở thế gian này.

Thủy Lộ phu nhân dung nhan tuyệt thế, mỗi khi đi qua núi sâu, sông lớn thường bị thần, vật bắt cóc. Mọi người xướng bài Hải ca rằng:

*Rùa ơi! Rùa ơi! Trả Thủy lộ,
Bắt vợ của người tội cực nặng,
Nếu người trái nghịch không chịu dâng
Ta đây quăng lưới bắt nướng ăn.
Hiển Hoa Ca của ông lão.
Tử Bố Nham hồ quá hy chấp âm hồ
Thủ mẫu ngu phóng giáo khiến
Ngô bị bắt dụ tà bì y tứ đặng
Hoa bì chiết sắt khả hiển hồ lý âm như.*

Hiếu Thành Vương:

Tháng mười năm Nhâm Tuất, niên hiệu Khai Nguyên thứ mười,

mới lập khuyết môn ở quận Mao Hỏa, nay là Thôn Mao Hỏa thuộc phía Đông nam Khánh châu, là nơi hiểm yếu để phòng Nhật Bản, có chu vi sáu ngàn bảy trăm chín mươi hai bộ năm thước, do Nguyên Chân Giác Can đốc suất ba mươi chín ngàn hai trăm sáu mươi hai dân phu xây dựng. Năm Quý Dậu, niên hiệu Khai Nguyên hai mươi mốt, nhà Đường chinh phạt Bắc Địch, xin quân Tân La, đoàn sứ thần gồm hơn sáu trăm lẻ bốn người đến nước Phiên thuộc.

Cảnh Đức Vương - Trung Đàm Sư:

Biểu Huấn Đại Đức

Vương sắm sửa đầy đủ lễ nghi lãnh thọ Kinh Đức... Vương tại vị hai mươi bốn năm, các vị thần năm non ba núi có lúc đến chầu nơi triều đình. Ngày mồng ba tháng ba, vương ngự giá đến lầu Bá Chánh Môn, nói với tùy tùng rằng:

- “Ai có thể mời một vị Tăng mặc ca-sa màu đỏ đi trên đường về đây cho ta gặp mặt chăng?” Vừa lúc ấy có một Đại đức oai nghi sáng rõ, an tường đang đi đến, các tùy tùng trông thấy và đến mời diện kiến Vương. Vương nói: “Đây không phải là vị Tăng mà ta muốn gặp!” Vị Tăng này lui ra. Lại có một vị Tăng đắp y Bá nạp mang một cái ống tròn làm bằng cây anh, từ phía Nam đi đến, Vương vui mừng nhìn vị Tăng này và sai người dẫn lên lầu; nhìn xem trong ống, thấy toàn là vật dụng để pha trà mà thôi. Vương hỏi:

- Hòa thượng pháp hiệu là gì?

Đáp:

- Là Chí Đàm.

- Hòa thượng từ đâu đến?

- Vào các ngày Trùng Tam, Trùng Cửu, chư Tăng thường nấu trà hiến cúng Di-lặc Thế Tôn ở Tam Hoa lãnh tại Nam sơn. Hôm nay bản Tăng vừa hiến cúng trở về.

- Quả nhân cũng có phần, được một chén trà chứ?

Vị Tăng bèn đun trà dâng Vương, khí vị của trà rất khác thường, mùi hương vi diệu trong chén trà xông lên ngào ngạt. Vương nói:

- Trẫm từng nghe Từ Nảo Ca Tán Kỳ Bà Lang của Sư ý nghĩa rất cao, thật thế chăng?

- Đúng vậy.

- Thế thì Tăng nên vì Trẫm làm Lý An Dân Ca, được chăng?

Vị Tăng tức thời phụng chỉ ca trình vương. Vương rất vừa lòng, phong làm Vương Sư, nhưng vị Tăng cung kính quyết chối từ, không

nhận.

An Dân Ca:

Quân ẩn phụ dã

Thần ẩn ái tứ thi mẫu sử dã

Dân yên cuồng thi hận a hài cổ vi tứ thi tri dân thị ái thi tri cổ

như.

Quật Lý Sát đại bi sinh dĩ chi sở âm vật sinh thử bi thực ác chi trị lương la.

Thử địa bị xả khiến chỉ ư đông thị khứ ư định.

Vi thị tri quốc ác chi trì dĩ.

Chi tri cổ như.

Câu sau:

Quân như thần da chi dân ẩn như

Vi nội thị đặng yên quốc ác thái bình luận âm sát như.

Tán Kỳ Bà Lang Ca

Yết ô nhĩ xứ mẽ, lộ hiển tà ẩn nguyệt la lý

Bạch Vân âm toại vu phù khứ ẩn an chi hạ

Sa thị bát làng ẩn định lý dã trung

Kỳ lang hỷ mạo sử thị sử sồ tà

Dật ô xuyên lý sắt tích ác hy

Lang dã trì dĩ chi như tứ ô ẩn tâm vị tế sắt bi toại nội lương tề

a da

Bá nữ sắt chi thứ cao chi hảo

Tuyết thị mao đông nải hồ thi hoa phán dã.

Ngọc hành của vương dài tám tấc (24 cm), không có con, bèn phế hoàng hậu làm Sa Lương phu nhân, lập Mãn Nguyệt phu nhân làm hậu, thụy là Cảnh Thù thái hậu, con của Y Trung Giác Can. Một hôm vương ban chiếu triệu Biểu Huấn Đại Đức vào triều nói rằng:

- Trẫm không có phước nên chẳng có người kế thừa, cầu Đại đức xin Thượng đế ban cho!

Biểu Huấn tâu với Thiên đế, rồi trở về tâu lại với Vương rằng:

- Thiên đế nói rằng cầu con gái thì được! Còn con trai thì chẳng thể!. Vương nói:

- Xin chuyển nữ thành nam!.

Biểu Huấn lại lên trời xin Thiên đế. Đế nói:

- Được thì được, nhưng thành nam thì nước loạn.

Huấn muốn trở về hạ giới, thì Đế lại triệu đến nói rằng:

- Người và trời không thể phá phép tắc được, nay Sư lên xuống

giống như qua làng bên cạnh, sẽ tiết lộ thiên cơ, từ nay về sau chớ nên lên nữa!

Huấn trở về nói lại với Vương, Vương nói rằng:

- Tuy nước loạn, có người kế vị đủ rồi!

Đủ ngày tháng vương hậu sinh hạ một Thái tử. Vương vui mừng không xiết. Khi Thái tử tám tuổi thì vương băng hà, Thái tử kế vị, là Tuệ Cung Vương. Vì còn nhỏ nên Thái hậu lâm triều, không định được việc triều chính, giặc cướp nổi lên khắp nơi, không kịp phòng ngự. Lời của Biểu Huấn đã ứng nghiệm.

Wương vốn là nữ mà thành nam, cho nên từ lúc mới một tuổi đến khi lên ngôi đều thích vui đùa với người nữ, thích đeo túi gấm, nô đùa cùng các đạo sĩ, nên trong nước sinh đại loạn. Sau bị Tuyên Đức và Kim Lương Tướng giết chết. Sau Biểu Huấn, Thánh nhân không xuất hiện ở Tân la.

Tuệ Cung Vương:

Năm Đại Lịch thứ nhất, phía Đông đại sảnh của dinh quan Khang Châu, đất dần dần sụp biến thành một cái hồ rộng ngang bảy thước, dài mười ba thước; bỗng có năm, sáu con cá chép sống trong hồ này dần dần lớn lên, hồ cũng theo đó rộng thêm.

Năm Đinh Mùi, niên hiệu Đại Lịch thứ hai; Thiên Cầu (chó trời) rơi ở phía Nam Đông lâu, đầu bằng cái bát, đuôi dài ba thước, màu như lửa cháy đỏ, trời đất cũng chấn động. Cũng trong năm này, năm khoảnh ruộng ở huyện Kim phố, đã có hạt tự nhiên trở thành bông lúa. Tháng bảy có hai sao rơi trong cung đình, kế đó một sao lại rơi, rồi cả ba chui hết vào lòng đất. Nhà cầu ở phía Bắc cung mọc hai cọng sen, ruộng ở chùa Phụng Thánh cũng sinh hoa sen, hồ đột nhập cấm thành, truy tìm thì không thấy. Trên cây lê nhà của Giác Can Đại Cung, chim sẻ tụ tập vô số. Theo An Quốc Bình Pháp quyển hạ nói: “Thiên hạ có chiến tranh, đại loạn, bấy giờ nên đại xá, tu tĩnh thân tâm”. Ngày ba tháng ba Đại Cung Giác Can làm giặc. Chín mươi sáu Giác Can ở kinh đô và các châu quận trong năm đạo đánh giết lẫn nhau. Đại Cung Giác Can nhà cửa tan nát, chuyển gia đình và của cải vào Vương cung. Trường thương (kho) ở Tân thành bị cháy. Nghịch đảng Bảo Xác gồm những người ở Sa Lương, Mâu Lương cũng chuyển đến Vương cung. Loạn lạc trải qua ba tháng mới dứt. Người được khen thưởng rất nhiều, mà người bị giết chết cũng vô số.

Lời của Biểu Huấn nói nước loạn thật ứng nghiệm.

Nguyên Thánh Đại Vương:

Đầu tiên Y Thực Kim Chu Nguyên làm Thượng Tế, Vương là Giác Can làm Nhị Tế, một hôm nằm mộng thấy cỏi khăn bịt đầu, mà đội nón trắng, cầm đàn hai mươi dây vào trong giếng ở chùa Thiên cung. Tỉnh dậy bảo người giải mộng. Người nói rằng:

“Cỏi khăn bịt đầu là điềm mất chức. Cầm đàn hai mươi dây là điềm bị gông cùm. Vào giếng là điềm vào ngục”. Lúc ấy Vương nghe nói rất sợ hãi, đóng cửa không giao tiếp và ra ngoài. Bấy giờ A Thực Dư Tam (có bản ghi là Dư Sơn) đến muốn gặp mặt. Vương cáo bệnh chối từ chẳng gặp. A Thực lại thông tri rằng: “Xin được gặp một lần”. Vương đồng ý. A Thực nói:

- Ngài kiêng kỵ điều gì?

Wương liền kể lại lời giải mộng trên. A Thực vội lễ bái nói:

- Đây là một điềm mộng lành, nếu ngài lên ngôi vị mà chẳng bỏ tôi, thì tôi sẽ giải điềm mộng này.

Wương lánh vào trong, cấm kẻ tả hữu đến rồi xin A Thực giải mộng. A Thực nói rằng:

- Cỏi khăn bịt đầu, tức không còn ai ở trên mình. Đội nón trắng là điềm đội vương miện. Cầm đàn hai mươi dây là điềm truyền được hai mươi đời. Vào giếng Thiên Tỉnh tức là điềm vào cấm cung.

Wương nói:

- Trên còn có Chu Nguyên, làm sao ta đạt được thượng vị?

A Thực nói:

- Xin bí mật cầu thần Bắc Xuyên thì được!

Wương nghe theo, không bao lâu Tuyên Đức Vương băng hà, quần thần muốn lập Chu Nguyên làm Vương, sắp đón vào cung, vì nhà ở phía Bắc sông, hôm ấy bỗng nhiên nước dâng cao không qua được. Vương nhập cung trước lên ngôi, đồ chúng của Thượng tế đều đến ủng hộ, lễ lạy chúc mừng Tân vương, hiệu là Nguyên Thánh Đại Vương, húy là Kính Tín Kim Võ. Đó là sự ứng nghiệm của điềm mộng lành. Chu Nguyên lui về Minh châu. Khi Vương lên ngôi thì Dư Sơn đã qua đời, Vương triệu con cháu của ông vào ban cho quan tước. Vương có năm người con là Tuệ Trung Thái tử, Hiến Bình Thái tử, Lễ Anh Táp Can, Đại Long phu nhân, Tiểu Long phu nhân. Đại Vương biết một cách chân thật, thông đạt cùng tận sự biến diệt, có soạn bài: “Thân không từ nào ca” (đã thất lạc). Cha của Vương là Đại Giác Can Hiếu Nhượng được truyền ống sáo Vạn Ba Tức từ Tổ tông rồi truyền đến Vương, nên Vương còn mang nặng ân của Trời cao, khiến cho đức chiếu soi tận nơi

xa. Ngày mười một tháng mười năm Bính Dần niên hiệu Trinh Nguyên thứ hai, vua Nhật Bản là Văn Khánh (theo Nhật Bản Đế Kỷ năm mười lăm, thì nghi là vào niên đại của Văn Đức Vương; không có vị vua tên Văn Khánh, hoặc có thể là Thái tử của vua), đem binh muốn đánh Tân La, nhưng nghe Tân La có ống sáo Vạn Ba Tức nên lui binh. Sau đó sai sứ dâng cho năm mươi lạng vàng để xin ống sáo này. Vương nói với sứ rằng: “Trẫm đã nghe vào đời Chân Bình Vương có vật này, nhưng nay chẳng biết đâu!” Ngày bảy tháng bảy năm sau vua Nhật Bản lại sai sứ mang một ngàn lạng vàng đến và nói rằng: “Trẫm muốn thấy thần vật này rồi trả lại”.

Wang cũng nói như trước mà chối từ, chẳng nhận vàng, mà còn ban cho sứ giả ba ngàn lạng bạc. Tháng tám sứ trở về Nhật, Vương sai người cất ống sáo trong điện Nội Hoàng. Năm Ất Sửu, Vương lên ngôi được mười một năm, thì đoàn sứ thần nhà Đường đến kinh lưu lại một tháng rồi trở về, một ngày sau có hai người con gái vào triều tâu rằng: “Hai thiếp là vợ của hai rồng ở Đông Trì và Thanh Trì (Thanh Trì tức dòng suối ở chùa Đông Tuyền. Tự Ký ghi: Suối này là nơi mà loài rồng ở Đông Hải qua lại nghe pháp; chùa thì do Chân Bình Vương sáng lập, gồm năm trăm thánh chúng, có tháp năm tầng, có dân canh tác ruộng đất). Đường sứ đem hai người ở Hà Tây quốc đến đây chú nguyện biến hai chồng của hai thiếp và một rồng trong giếng chùa Phấn Hoàng thành ba con cá nhỏ, rồi bắt bỏ trong ống mà mang về. Xin bệ hạ khiến hai người kia để chồng chúng tôi lại, làm thần long bảo hộ xã tắc!”.

Vua liền đuổi theo đến Hà Dương quán, tự thân ban yến tiệc, rồi bảo hai người Hà tây rằng:

- Vì sao các người bắt ba con rồng của ta đem đến đây? Nếu chẳng khai thật, ắt sẽ bị gia hình!

Bấy giờ hai người kia dâng lên ba con cá nhỏ, Vương sai thả ở ba nơi, mỗi mỗi dẫy nước hơn một trượng, vui mừng mà đi. Người Đường khâm phục Vương là một bậc Thánh minh. Một hôm Vương thỉnh Pháp sư Thích Trí Hải trụ chùa Hoàng Long (lời ghi chú hoặc có bản ghi là chùa Hoa Nghiêm, hoặc chùa Kim Cang; vì dùng tên chùa hoặc dùng tên kinh để gọi lẫn lộn nhau) vào cung tụng kinh Hoa Nghiêm năm tuần (năm mươi ngày). Bấy giờ Sa-di Diệu Chánh thường rửa bát bên giếng Kim Quang (nhân Đại Hiền Pháp Sư mà có tên). Bấy giờ có một con Miết rất lớn (ba ba) sống trong giếng. Sa-di thường cho nó thức ăn thừa, nên vui mừng. Pháp hội sắp kết thúc, Sa-di nói với Miết rằng:

- Ta ban ân huệ cho ngươi nhiều ngày rồi, nay ngươi lấy gì báo

đáp đây?

Vài ngày sau Miết nhả ra một hạt ngọc nhỏ tặng Sa-di. Sa-di buộc hạt ngọc vào đầu sợi dây đai. Từ đó về sau, Vương rất yêu quý Sa-di, cho triệu vào nội điện, gần gũi chẳng rời. Bấy giờ có một Táp can phụng chiếu đi sứ sang Đường triều, vị này cũng yêu mến Sa-di, xin Vương cho đi cùng. Vương đồng ý. Khi vào đến Đường triều, Đường đế cũng rất sủng ái Sa-di, đến cả Thừa tướng và các quan đều kính tin. Có một vị quan nói rằng:

- Xem kỹ vị Sa-di này, thì chẳng thấy có một tướng cát tường nào, nhưng lại được mọi người tin kính, ắt là có mang di vật ở bên mình!

Liền sai người khám xét thì được một hạt châu nhỏ ở đầu sợi đai. Đế nói:

- Ta có bốn hạt châu như ý, năm trước mất một hạt, nay thấy hạt châu này, chính là hạt đã mất của ta. Đế bèn hỏi Sa-di, Sa-di trình bày rõ sự việc trước kia. Kiểm nghiệm lại thì thấy ngày Đế mất hạt châu trùng với ngày Sa-di được hạt châu. Đế bèn giữ lại hạt châu và quở trách Sa-di. Từ đó về sau không còn ai kính tin Sa-di nữa.

Lăng của Vương được lập ở chùa Động Hạc, phía Tây Thổ hàm khâu (nay là chùa Sùng Thiên), có Thôi Trí Viễn soạn văn bia; Vương đã lập chùa Báo Ân, Vọng Đức lâu, truy phong Tổ phụ Huấn Nhập Táp Can làm Thần Anh Đại Vương, Cao Tổ Pháp Tuyên Đại A Can làm Huyền Thánh Đại Vương, cha của Huyền Thánh là Ma Sát Thứ Táp Can.

Tảo Tuyết: (Tuyết rơi)

Cuối đời bốn mươi là Ai Trang Vương, ngày mười lăm tháng tám năm Mậu Tý có tuyết rơi.

Ngày mười bốn tháng ba năm Mậu Tuất, niên hiệu Nguyên Hòa mười ba đời vua thứ bốn mươi một Hiến Đức Vương có tuyết lớn (có bản ghi là năm Bính Dần là sai. Niên hiệu Nguyên Hòa chỉ có mười lăm năm, không có năm Bính Dần).

Ngày mười chín tháng năm năm Kỷ Mùi đời bốn mươi sáu Văn Thánh Vương có tuyết lớn; mộng một tháng tám trời đất tối tăm.

Hưng Đức Vương - Anh Vũ:

Đời bốn mươi hai là Hưng Đức Đại Vương, lên ngôi năm Bính Ngọ niên hiệu Bảo Lịch thứ hai. Chưa bao lâu có người đi sứ sang Đường, mang về một cặp chim anh vũ. Không lâu sau thì chim mái chết,

chim trống lẻ loi, buồn thương kêu không thôi, Vương bèn sai người treo gương trước nó. Chim trông thấy hình mình trong gương, nghĩ là chim mái, bèn mổ vào gương thì biết là hình của mình, do đó buồn bã kêu mãi mà chết. Vương làm bài ca (đã thất lạc).

Thần Võ Đại Vương - Diêm Trường - Cung Ba:

Đời bốn mươi lăm là Thần Võ Đại Vương. Lúc chưa lên ngôi, một hôm nói với giáp sĩ Cung Ba rằng: “Ta có mối thù không đội trời chung, người có thể vì ta trừ khử, để chiếm vương vị, thì ta sẽ cưới con gái người làm phi!”. Cung Ba đồng ý, đồng tâm hiệp lực, đem binh đánh về kinh, mưu đồ thành công. Sau khi soán ngôi, Vương muốn cưới con gái của Cung Ba làm phi, quần thần ra sức can gián, cho rằng Cung Ba là kẻ phản trắc, vương lấy em gái người ấy làm phi thì chẳng thể được. Vương nghe theo. Bấy giờ Cung Ba đang ở tại Thanh Hải trấn làm quân nhung (Tổng binh) oán Vương trái lời, muốn mưu loạn. Bấy giờ tướng quân Diêm Trường nghe được tâu rằng:

- Ba là kẻ bất trung, Tiểu Thần xin được trừ diệt!

Wương vui mừng ưng thuận. Diêm Trường lãnh binh đến Thanh Hải trấn báo rằng:

- Tôi có chút oán thù với quốc quân, muốn đến Minh công nương gá để toàn thân mạng.

Cung Ba nghe thế, nổi giận nói rằng:

- Các người can gián vua phế bỏ con gái ta, sao nay còn đến gặp ta?

Diêm Trường lại thưa rằng:

- Đó là do trăm quan can gián, chứ tôi không can dự vào, minh công không nên nghi ngờ!

Cung Ba nghe vậy, liền dẫn vào đại sảnh hỏi rằng:

- Vậy ngài có việc gì mà đến đây?

- Có việc trái nghịch với Vương, nay muốn vào nương dưới trướng Ngài để tránh bị hại!

- Thật hân hạnh!

Cung Ba vui mừng dọn tiệc rượu tiếp đãi. Bỗng nhiên Diêm Trường rút trường kiếm của Ba chém Ba chết, các quân sĩ thuộc hạ của Cung Ba vô cùng kinh khiếp, đều quỳ mọp dưới đất, Diêm Trường bèn dẫn về kinh phục mạng rằng: “Đã chém chết Cung Ba rồi!”.

Wương vui mừng khen thưởng, phong tước A Can.

Đời bốn mươi tám Cảnh Văn Đại Vương

Vương huy là Ứng Liêm, năm mười tám tuổi làm Quốc Tiên, đến năm hai mươi tuổi, Hiến An Đại Vương triệu vào cung ban yến tiệc, hỏi rằng:

- Khanh làm Quốc Tiên đi khắp các nơi thấy có điều gì lạ chẳng?

Ứng Liêm đáp:

- Thần thấy có ba hạng người có phẩm hạnh tốt đẹp.

Vương hỏi:

- Xin được nghe khanh nói.

Ứng Liêm đáp:

- Một người là bậc Thượng nhân mà tự khiêm hạ ngồi dưới người; hai, có người giàu có mà tiết kiệm giản dị; ba, có người đầy đủ quyền thế mà chẳng dùng oai lực.

Vua nghe thì biết đây là người hiền, bỗng nhiên rơi lệ nói rằng:

- Trẫm có hai người con gái, mong được nâng khăn sửa túi cho khanh!

Ứng Liêm liền rời chiếu lễ lạy, cúi đầu mà lui về. Sau đó thưa lại với cha mẹ; hai người vừa mừng vừa kinh ngạc hội họp với anh em trong gia đình lại bàn luận, rồi nói rằng: “Công chúa thứ nhất thì dung mạo rất xấu xí, công chúa thứ hai dung nhan tuyệt mỹ, cưới được người ấy thì may mắn lắm!”

Môn đồ thượng thư của Ứng Liêm là Phạm Giáo sư nghe tin đến nhà hỏi rằng:

- Đại vương muốn gả công chúa cho ngài, đáng tin chẳng?

- Đúng vậy!

- Ngài cưới người nào?

- Cha mẹ bảo, ta nên cưới công chúa thứ hai.

- Nếu ngài cưới công chúa thứ hai, thì tôi nhất định chết trước mặt ngài. Còn cưới công chúa thứ nhất thì sẽ có ba điều tốt, ngài hãy quyết định đi!

Ứng Liêm nghe theo, không bao lâu Vương sai sứ đến nói rằng: “Hai công chúa đó, nay xin chủ ý của ngài?”. Sứ trở về tâu rằng: “Tuân phụng chọn công chúa thứ nhất!”.

Hơn ba tháng sau, Vương bị bệnh nặng, triệu quần thần đến bảo rằng: “Trẫm không có con trai, việc an táng nên để cho Ứng Liêm phò mã của công chúa thứ nhất kế thừa”. Ngày hôm sau Vương băng. Ứng Liêm theo di chiếu lên kế vị. Bấy giờ Phạm Giáo sư đến nói rằng: “Thần nêu ba điều tốt, nay đều đã đến vậy.”

1. Vì cưới công chúa trưởng nên nay được ngôi vương.
2. Xưa kính ngưỡng công chúa thứ hai diễm lệ thì nay cũng có thể dễ dàng lấy được.

3. Lấy công chúa trưởng thì Vương và phu nhân vui lòng.

Wương tri ân lời nói ấy nên ban tước là Đại Đức, thưởng một trăm ba mươi lạng vàng. Sau Vương băng hà, thụy hiệu là Cảnh Văn.

Phòng ngủ của Vương, mỗi bữa tối thường có vô số rắn tụ tập, cung nhân rất kinh sợ, muốn đuổi đi. Vương nói: “Nếu không có rắn thì quả nhân ngủ không yên, không nên cấm!”. Mỗi khi ngủ Vương le lưỡi phủ cả ngực, đến khi lên ngôi, tai của Vương bỗng nhiên dài như tai lừa, Vương hậu và các cung nhân đều chẳng biết, chỉ có người thợ bịt khăn trên đầu cho Vương mới biết, nhưng chưa từng nói cho ai nghe. Khi người này sắp chết, vào rừng trúc chùa Đạo Lâm, là một nơi không có người, la lên với các cây trúc rằng: “Tai của vua Ta như tai lừa!”. Sau đó gió thổi trúc phát ra âm thanh: “Tai của vua Ta như tai lừa!”. Vua ghét, bảo chặt cả rừng trúc rồi trồng cây thù du núi, khi gió thổi vào chỉ phát ra tiếng: “Tai của vua ta dài!” mà thôi (chùa Đạo Lâm, xưa ở bên rừng Nhập độ).

Khi Quốc Tiên mời Nguyên Long, Dự Hân Lang, Quế Nguyên, Thúc Tông Lang, kết bạn vân du đã ngầm có ý muốn làm vua cai trị đất nước, nên làm đề của ba bài ca khiến nô bộc tâm phúc cẩn thận mang đến Đại Cự Hòa Thượng, khiến làm ba bài ca là Huyền Sắc Bảo Khúc, Đại Đạo Khúc, Vấn Quần Khúc, vào tâu với Vương, Vương vui mừng khen thưởng. Ba bài ca đã thất lạc.

Xử Dung Lang - Vọng Hải Tự:

Vào đời vua thứ bốn mươi chín là Hiến Khang Đại Vương, nước Tân La từ kinh thành cho đến vùng biển nhà gạch liên tiếp, không còn một ngôi nhà tranh, trên đường người ca hát, đàn sáo chẳng dứt, 4 mùa mưa thuận gió hòa. Bấy giờ Đại vương xa giá đến Khai Vân Phố (nay là Úy Châu, Tây Nam Hạc Thành). Khi vua sắp xa giá hồi cung, tạm nghỉ ở bên bờ biển, bỗng mây đen kéo đến đen kịt, bầu trời tối tăm chẳng thấy đường. Vương lấy làm lạ hỏi tả hữu. Nhật quan tâu rằng: “Đây là do Đông Hải Long vương biến hóa, nên làm các việc tốt thì sẽ giải trừ!”. Bấy giờ Vương ban chiếu cho quan Hữu ty vì loài rồng mà xây chùa ở gần đây. Lệnh vừa ban thì mây đen tan biến, do đó mà gọi là Khai Vân Phố. Đông Hải Long vui mừng dẫn bảy rồng con hiện hình trước Vương, khen ngợi đức độ, ca múa tấu nhạc dâng hiến. Khi ấy một

rồng con biến hình người theo vua vào cung phụ giúp vua về việc trị chánh, tên là Xử Dung, Vương gả con gái đẹp của mình cho, có ý muốn lưu giữ. Lại ban cho chức Cấp Can. Vợ Xử Dung rất đẹp khiến cho Dịch Thần luyến mộ, biến thành người vô hình ban đêm đến nhà, trộm ngủ với công chúa. Xử Dung từ bên ngoài trở về, thấy trong phòng ngủ của mình có hai người, liền ca múa mà trở lui. Ca rằng:

Đông kinh minh kỳ nguyệt lương dạ nhập y du hành như khả nhập lương sa tẩm hỷ kiến côn khước ô y tứ thị lương la nhị bi ẩn ngô hạ tư sát cổ nhị bi ẩn thù chi hạ yên cổ bản hỷ, ngô hạ thị như mã ư ẩn đoạt sát lương ất hà như vị lý cổ.

Bấy giờ Dịch Thần hiện nguyên hình quỳ xuống nói rằng: “Tôi vì đam mê vợ của ngài, nên nay xúc phạm. Nhưng ngài không giận dữ. Vì cảm động trước hành động cao đẹp ấy, nên từ nay về sau, thấy nơi nào có hình của ngài, thì tôi thệ không vào cửa”. Do đó người trong nước thường dán hình của Xử Dung nơi cửa để tránh tà được phước.

Vua trở về xem thấy vùng đất tại chân núi phía Đông Linh Thứu sơn là một thắng địa, nên xây dựng một ngôi chùa lấy tên là Vọng Hải, cũng gọi là Tân Phòng. Đó là vì loài rồng mà lập. Vương lại đến Bào Thạch đình, thì Thần Nam sơn hiện hình múa trước kiệu; Vương bèn tự chế vũ điệu, dùng hình tượng để chỉ bày. Tên vị thần này là Tường Thấm; nên đến nay nhân dân lưu truyền điệu múa này gọi là Ngự Vũ Tường Thấm hoặc gọi là Ngự Vũ Sơn Thần. Hoặc cho rằng thần đã xuất hiện múa hát, Vương phỏng theo dáng điệu ấy, bảo thợ khắc theo để lưu lại cho đời sau, nên gọi là Tường Thấm. Hoặc gọi là Sương Nhiêm Vũ, là căn cứ theo hình dáng thần để đặt tên.

Khi Vương đến Kim Cang Lãnh, thì Bắc Khâu Thần hiện hình múa hát, gọi là Ngọc Đạo Cầm. Khi Vương đến dự yến tiệc tại Đồng Thể Điện thì Địa Thần hiện lên ca múa gọi là Địa Bá Cấp Can. Ngự Pháp Tập ghi: “Bấy giờ Sơn thần nhảy múa, ca rằng: “Tri Lý đa! Đô ba! Đô ba đảng!” Nghĩa là “Người dùng trí trị quốc thì biết mà bỏ trốn đã nhiều, thành ấp sắp bị phá rồi!” Sơn thần, Địa thần biết nước sắp mất, nên hiện hình ca múa để cảnh tỉnh, nhưng vua quan chẳng biết cho là điềm lành, lại càng thêm đam mê lạc thú, nên nước mất.

Chân Thánh Nữ Đại Vương - Cừ Đà Tri:

Đời năm mươi một là Chân Thánh Nữ Vương, lên ngôi đã nhiều năm mà nhũ mẫu là Phù Hiếu phu nhân, chồng là Ngụy Hoàng Táp Can, gồm ba, bốn sủng thần chuyên quyền, phá rối triều chánh, giặc giã

nổi lên khắp nơi, người trong nước lo sợ, bèn chép mật ngữ Đà-la-ni rải trên đường, Vương và các quyền thần nhặt được đồng cho rằng: “Đây chẳng phải là do Vương Cư Nhân viết, thì còn ai nữa!”. bèn giam Nhân vào ngục. Cư Nhân làm thơ cáo lên trời, trời liền làm chấn động ngục tù để Cư Nhân được tha. Thơ rằng:

*Yên Đan lệ máu, mống xuyên trời
Trâu Diễn đau buồn, hạ sương rơi
Ta nay tội tù tựa như trước
Trời cao sao chẳng hiện cát tường?*

Đà-la-ni ghi: “Nam-mô vong quốc, Sát ni na đế, phán ni phán ni, tô phán ni, can can tam a can, phù y ta bà ha”. Người bàn cho rằng: Sát ni sát đế nghĩa là Nữ Chúa, phán ni phán ni tô phán ni là hai vị Tô phán; Tô phán là tên một tước phẩm. Can can tức ba vị A Can; phù y tức Phù Hiếu.

Vào đời vua này, A Thực là con út của Lương Bối Vương đi sứ sang Đường triều, nghe hải tặc Bách Tế nổi dậy ở vùng Tân Phù, bèn tuyển chọn năm mươi người đi theo. Một hôm thuyền đến đảo Hạc (phương ngôn gọi là đảo Cốt Đại) bỗng nhiên biển nổi sóng lớn, phải nghỉ lại mười ngày. A Thực sợ hãi, bảo bốc một quẻ. Có người thưa rằng: “Trên đảo có ao thần, cần phải cúng tế mới được!”. Bấy giờ A Thực sai người sắm sửa lễ vật tế lễ bên bờ ao, nước trong ao tự nhiên vọt cao hơn một trượng. Ban đêm mộng thấy một ông già đến nói rằng “Bây giờ nên để lại người nào?” Tất cả nói rằng: “Hãy để lại một người thiện xạ ở lại trên đảo, thì gió sẽ thuận!”. Khi thức dậy, ông kể lại cho mọi người đồng nghe và nói rằng: “Làm năm mươi cái thẻ gỗ, viết tên của từng người lên đó rồi thả vào nước để đoán chọn”. Ông nghe và làm theo. Bấy giờ trong quân có một người tên là Cư Đà Tri, thẻ của người này chìm trong nước, nên phải ở lại đảo. Lúc ấy gió thuận liền khởi thuyền đi không trở ngại.

Cư Đà buồn rầu đứng tại bãi biển trên đảo, bỗng có một ông lão từ dưới ao bước lên nói rằng:

- Ta là thần Tây Hải Nhược, lâu nay thường có một Sa-di, hằng ngày mỗi khi mặt trời mọc thì từ trên trời hạ xuống đây, tụng Đà-la-ni, nhiễu quanh ao ba vòng, thì ta và vợ cùng con cháu nổi hết trên mặt nước, Sa-di bắt con cháu của ta, rồi ăn hết ruột gan; đến nay chỉ còn hai vợ chồng ta và một đứa con gái; sáng sớm mai nó sẽ đến nữa, xin ngài bắn trừ cho!

Cư Đà nói:

- Việc cung tên thì tôi rất rành, xin nghe và làm theo lời ông!

Ông lão cảm tạ rồi lặn xuống nước. Cự Đà mai phục chờ đợi. Hôm sau, mặt trời vừa ló dạng, quả nhiên Sa-di lại đến, tưng chú như trước, vừa muốn bắt rồng để ăn gan thì Cự Đà bắn trúng, Sa-di liền biến thành một con chồn rơi chết trên đất. Bấy giờ ông lão lại xuất hiện cảm tạ, nói rằng:

- Nhờ ân của ngài mà tôi được toàn mạng, xin dâng con gái tôi làm thê thiếp cho ngài!

Cự Đà đáp:

- Được ban cho thì chẳng dám chối từ, xin nhận sở nguyện của ngài!

Ông lão bèn biến con gái thành một cành hoa rồi đặt vào lòng Cự Đà, kế đó sai hai con rồng khiêng Cự Đà đuổi kịp đoàn thuyền sứ, rồi bảo vệ đoàn thuyền vào đất Đường. Người ở đây thấy thuyền Tân La có hai con rồng khiêng đi, thì liền tâu với vua. Vua nói: “Sứ thần Tân La ắt là người phi thường”. Do đó ban yến tiệc cho ngồi trên quần thần, đồng thời ban thưởng cho nhiều vàng bạc lụa là. Sau khi về nước, Cự Đà lấy cành hoa ra, cành hoa biến thành người nữ, từ đó hai người chung sống với nhau.

Linh Miếu Tự:

Vào năm Nhâm Thân, niên hiệu Quang Hoa mười lăm, đời vua thứ năm mươi hai là Hiếu Cung Vương (đúng là niên hiệu Càn Hóa thứ hai đời Chu Lương), hai phía Đông và Tây bên ngoài cổng chùa Phụng Thánh có hai mươi một ổ chim Thước. Năm Ất Hợi, tức năm thứ tư sau khi Thần Đức Vương lên ngôi (Bản xưa ghi là năm Thiên Hựu mười hai, nên ghi là Trinh Minh nguyên niên), tại hành lang trong cung Hiếu Cung Vương có ba mươi bốn tổ chim thước, bốn mươi tổ quạ. Tháng hai trời giáng sương mù, tháng sáu nước sông Trảm Phố và sóng biển xung đột với nhau ba ngày.

Cảnh Minh Vương:

Đời năm mươi bốn là Cảnh Minh Vương, vào năm Mậu Dần, niên hiệu Trinh Minh thứ năm, hình con chó trong bức bích họa chùa Tứ Thiên Vương bỗng nhiên cất tiếng sủa, tưng kinh ba ngày để trừ, hơn nửa ngày lại sủa tiếp. Tháng hai năm Canh Thìn, niên hiệu Trích Minh thứ bảy, ảnh tháp chùa Hoàng Long đứng ngược ở sân nhà Kim Mao Xá Tri trong một tháng. Đến tháng mười các dây cung của thần ngũ

phương tại chùa Tứ Thiên Vương đều bị đứt hết. Con chó trên tấm bích họa chạy xuống sân chùa rồi lại trở vào.

Cảnh Ai Vương:

Đời năm mươi lăm là Cảnh Ai Vương. Ngày mười chín tháng hai năm Giáp Thìn niên hiệu Đồng Quang thứ hai, chùa Hoàng Long lập một trăm tòa thuyết kinh, cúng dường trai tăng ba trăm vị thiền sư, Đại Vương đích thân đến dâng hương cúng dường. Pháp hội trăm tòa này là khởi đầu cho Thiên giáo giảng chung.

Kim Truyền Đại Vương:

Đời năm mươi sáu là Kim Truyền Đại Vương, thụy là Kính Thuận. Vào tháng chín năm Đinh Hợi, niên hiệu Thiên Thành thứ hai. Chân Huyền của Bách Tế xâm lược Tân La, quân đã đến phủ Cao Tước, Cảnh Ai Vương xin viện binh nơi Thái Tổ ta (Hậu Cao Ly). Thái Tổ sai đem một vạn binh mạnh sang cứu giúp, nhưng cứu binh chưa đến, vào tháng mười một Chân Huyền dẫn quân đánh úp kinh đô, bấy giờ Vương đang cùng với phi tần, tôn thất dự yến tiệc vui chơi tại Bảo Thạch đình, chẳng ngờ binh giặc đến, hoảng hốt chẳng biết làm gì. Vương và phi chạy trốn vào hậu cung, còn thân thích và các Công khanh, đại phu, sĩ nữ... chạy tứ tán, đều bị giặc bắt làm tù binh, không kể quý tiện đều cho làm nô tỳ. Chân Huyền cho quân tự do cướp bóc tất cả tài sản công tư, rồi vào Vương cung sai tả hữu tìm Vương. Bấy giờ Vương và phi cùng mấy người thiếp đang ẩn núp tại hậu cung đều bị giặc bắt dẫn đến quân doanh. Chân Huyền bức tử Vương, cưỡng dâm vương phi, cho thuộc hạ hãm hiếp phi tần, rồi lập người em họ của Vương là Truyền lên ngôi. Như thế Kim Truyền là do Chân Huyền lập làm Vương. Thi hài của Vương trước đặt ở Tây đường, vương cùng quần thần đến khóc than. Bấy giờ Thái Tổ (Cao Ly) cũng sai sứ đến phúng điếu. Đến tháng ba năm Mậu Tý, Thái tổ dẫn năm mươi kỵ binh đến kinh đô Tân La, Vương và trăm quan ra ngoài thành nghinh tiếp, rồi đưa vào cung đàm luận, hết lòng cung kính, thiết yến tiệc ở điện Lâm Hải, vui cùng chén rượu. Bỗng vương nói: “Tôi không được trời phò trợ, nên dẫn đến đất nước tai họa loạn lạc. Chân Huyền làm điều bất nghĩa, làm tan nát xã tắc của tôi. Vì sao lại đau xót như thế!”. Rồi vương rơi lệ, quần thần ai cũng nghẹn ngào. Thái Tổ cũng cảm động tuôn nước mắt, nên lưu lại vài tuần mới trở về, đồng thời Thái Tổ ban nghiêm lệnh cho quân sĩ không được chạm đến tơ hào của dân. Nhân dân trong kinh thành vui mừng nói với nhau

rằng: “Xưa Chân Huyền đến, như gặp sài lang, nay Vương công đến, như gặp cha mẹ”.

Tháng tám, Thái Tổ sai sứ đem vải lụa, yên cương, ngựa tốt tặng vương, đồng thời cũng phân biệt ban cho quần thần tướng sĩ.

Tháng mười năm Ất Mùi, niên hiệu Thanh Thái thứ hai, vì các vùng đất ở bốn phương đều bị người chiếm đoạt, nước yếu thế cô, chẳng thể tự giữ yên, Vương hợp quần thần định kế. Vương nói: Dâng đất hàng Thái Tổ được chăng?

Mọi người còn do dự chưa quyết, thì Thái tử của Vương tâu rằng: “Sự mất còn của một nước ắt do số trời, nên cùng với trung thần nghĩa sĩ cùng nhau thâu phục dân tâm, hết sức mới thôi; đâu thể dễ dàng dâng xả tấc đã ngàn năm cho người khác!”

Vương nói: “Đơn độc nguy cấp như vậy, thế lực mình chẳng thể tự bảo toàn, đã chẳng thể chống cự, lại chẳng thể giữ gìn, khiến cho dân chúng vô tội ọc gan lầy đất, thật ta không chịu nổi!”

Vương bèn sai thị lang Kim Phong Hưu viết thư hàng Thái tổ. Thái tử khóc lóc từ biệt Vương, đi thẳng lên núi Giai Cốt lập am tranh, mặc áo gai, ăn rau trái ẩn cư suốt đời. Con út của Vương cạo tóc xuất gia ở Hoa Nghiêm, lập chùa gọi là Phạm Không, sau trụ trì chùa Hải Ấn ở Pháp Thủy.

Thái Tổ nhận được thư, liền đưa Tể tướng Vương Thiết đi nghinh đón. Vương dẫn bá quan quy phục thái tổ, xe đẹp, ngựa quý kéo dài hơn ba mươi dặm, đường sá tắt nghẽn, người xem đông nghịt. Thái Tổ ra ngoài thành nghinh tiếp, ban cho một khu ở phía Đông hoàng cung, gã trưởng nữ là Nhạc Lăng công chúa làm vợ. Vì Vương xa rời nước mình đến sống ở nước người, nên dụ như chim Loan, do đó cải hiệu là Thần Loan Công, đặt thụy là Hiếu Mục, phong làm chức Chánh Thừa, giai vị trên Thái tử, cấp bổng lộc một ngàn thạch, các quan tướng đi theo đều được trọng dụng; đổi Tân La làm Khánh Châu, dùng làm thực ấp cho Loan Công.

Đầu tiên, Vương nạp đất xin hàng, Thái Tổ vui mừng khôn xiết, dùng hậu lễ tiếp đãi rồi nói rằng: “Vương đã dâng đất nước cho quả nhân, ân ấy thật to lớn, xin được kết hôn trong tôn thất, để vĩnh viễn giữ mối giao hảo thông gia”.

Lúc ấy vương nói: “Bá phụ của thần là Úc Liêm (cha của Vương là em của Hiếu Tân Giác Can được truy phong Thần Hưng Đại Vương) có một người con gái sắc đẹp và đức hạnh vẹn toàn, không thể không chọn làm phi!”

Thái tổ bèn cưới, đó là Thần Thành Vương Hậu họ Kim (trong Vương Đại Tông Lục do Đãng Sĩ Lang, Kim Khoan Nghị của bản triều soạn ghi: “Thần Thành Vương Hậu họ Lý. Vốn khi xưa Thái Úy Lý Chánh Ngôn người Khánh châu làm Thái thú ở Hiệp châu, lúc Thái Tổ đến châu này, đã chọn con gái Thái thú làm phi. Hoặc cho là Hiệp Châu quận. Mất vào ngày hai mươi lăm tháng ba tại chùa Huyền Hóa, Nguyễn Đường, an táng ở Trinh Lăng, sinh được một người con là An Tông. Có lẽ đây là vị vương hậu ngoài hai mươi lăm phi chính nên không ghi. Việc của Kim thị chưa rõ, nhưng lời bàn của Sử gia cũng cho An Tông là ngoại tôn của Tân La, nên cho điều mà Sử đã truyền là đúng).

Cháu của Thái Tổ là Cảnh Tông. Do lấy con gái của Chánh Thừa làm phi, tức Hiến Thừa (Túc) hoàng hậu, phong Chánh Thừa làm Thượng Phụ, năm Mậu Dần, niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc thì băng hà, thụy là Kính Thuận. Sách phong Thượng phụ ghi:

Lúc Cơ Châu mới khai nghiệp Thánh, trước phong cho Lã Thái (Lã Vọng); khi Lưu Hán vừa sáng Vương triều, cũng đã sắc phong cho Tiêu Hà. Từ khi yên định hoàn vũ, mở rộng cơ nghiệp, đã ba mươi đời, trải qua bốn trăm năm, nhật nguyệt thêm sáng tỏ, trời đất thật thái bình. Tuy do chúa thuận vô vi, nhưng cũng có thần phò tá cai trị, khiến cho đất nước rõ ràng, thuận lòng dân trị hóa. Vệ quốc công thần Thương Trụ Quốc Nhạc Lương Vương Chánh Thừa Thực ấp Bát Thiên Hồ Kim Truyền quê tại Kê Lâm, thân làm Vương vị, oanh liệt khí ngút trời mây, văn chương thật trác tuyệt, giàu thì như xuân thu, quý thì ở vị chư hầu, lực thao tam lược đều trọn nơi lòng. Bảy tưng năm giáp năm tại bàn tay. Thái Tổ ta trước đã kết mối hòa hiếu lân bang, sớm nhận ra oai phong ấy, tức thời nhận làm phò mã, hầu trong đáp lại khí tiết lớn lao. Nay nước nhà đã quy về một mối, quần thần tụ hội nơi Tam Hàn; để hiển rõ thanh danh cao quý, tôn sùng khuôn phép tốt đẹp, nay tăng gia hiệu Thượng Phụ Đô Đốc Lĩnh, lại ban hiệu Suy Trung Thận Nghĩa Sùng Đức Thủ Tiết Công Thần. Công huân phong như cũ, thực ấp cộng với trước là một vạn hộ. Quan Hữu ty chọn ngày, sắp đặt đủ lễ nghi để phong tặng; chủ sự thi hành.

Ngày mười tháng mười năm Khai Bảo thứ tám. Đại Khuông Nội Nghị Lĩnh kiêm Tổng Hàn Lâm (thần) Cách Tuyên tuân phụng thi hành.

Phụng sắc như trên, công văn đến tuân hành. Ngày mười tháng mười niên hiệu Khai Bảo thứ tám, Thị Trung ký tên, Nội Phụng Lĩnh

ký tên, Quân bộ Lĩnh ký tên, Quân bộ Lĩnh ký tên, Binh Bộ Lĩnh không ký tên, Binh Bộ Lĩnh ký tên, Quảng Bình Thị Lang ký tên, Quảng Bình Thị Lang không ký tên, Nội Phụng Thị Lang không ký tên, Nội Phụng Thị Lang ký tên, Quân bộ Khanh không ký tên, Quân Bộ Khanh ký tên, Binh Bộ Khanh không ký tên, Binh Bộ Khanh ký tên.

Báo cho Suy Trung Thận Nghĩa Sùng Đức Thủ Tiết Công Thần, Thương Phụ Đô Đốc Lĩnh, Thương Trụ Quốc Nhạc Lãng Quận Vương Thực ấp Nhất Vạn Hồ Kim Truyền phụng sắc như trên, lệnh phù đến thì Phụng hành phụng. Chủ sự không ghi tên, Lang Trung không ghi tên, Thư Lịch Sử không ghi tên, Khổng Mục không ghi tên.

Ngày mười tháng mười niên hiệu Khai Bảo thứ tám...

Sử Luận ghi: Thỉ Tổ họ Phác, họ Tích đều từ trứng sinh ra, họ Kim thì từ hòm vàng trên trời mà giáng sinh, hoặc cho là cưỡi xe vàng mà đến, tất cả đều là chuyện kỳ quái không đáng tin. Nhưng thế tục truyền nhau cho là thật. Hôm nay chỉ truy cứu về khởi đầu, thì những chuyện trên biểu thị rằng: Như đối với mình thì cần kiệm, đối với người thì rộng rãi, lập quan thì ước lược, hành sự thì đơn giản; cho đến chí thành quy phục Trung Quốc, sai sứ đi thuyền sang triều cống theo lệ không đoạn dứt. Lại thường cho con em vào triều làm Túc vệ, vào trường học để đọc sách, hầu noi theo phong hóa của thánh hiền, xa rời tập tục hoang sơ, làm một quốc gia có lễ nghi. Lại nhờ vào oai linh quân đội của vua mà bình định Bách Tế, Cao Cú Ly, chiếm quận huyện của họ. Thật có thể nói là hưng thịnh vậy.

Nhưng sau lại tuân phụng Phật pháp, chẳng biết đến điều tệ hại, dẫn đến việc làng mạc thành chùa tháp, dân chúng trốn làm Tăng, binh lính nông dân ngày càng ít dần, khiến cho đất nước ngày càng suy. Bấy nhiêu đó làm sao mà nước chẳng loạn mà mất cho được? Hơn nữa lúc ấy Cảnh Ai Vương chỉ biết vui chơi, đang cùng các cung nữ dạo ở Bão Thạch đình, uống rượu, lơ là việc phòng vệ đến nỗi chẳng biết Chân Huyền đến, chẳng khác gì ngoài cửa Hàn bắt hổ, trên lầu họ Trương ngắm hoa. Như Kính Thuận quy mệnh Thái Tổ, tuy là điều bất đắc dĩ, nhưng cũng có thể cho là tốt đẹp, nếu lúc trước dốc sức chiến đấu, liều chết để giữ, chống lại quân binh của các Vương; như đến khi lực hết thế cùng, thì không chỉ Tông miếu ắt bị vùi lấp, mà còn hại đến dân lành vô tội. Bởi chẳng đợi ban lệnh, mà niêm phong kho phủ, sổ sách quận huyện dâng lên, quy phục Thái Tổ. Việc ấy đã có công với triều đình mà còn có đức lớn với nhân dân nữa. Khi xưa họ Tiên đem Ngô Việt sáp nhập vào Tống, Tô Tử khen đó là trung thần, nay công đức của Tân

La còn hơn thế rất xa.

Thái Tổ ta, con cháu cũng rất nhiều, mà Hiến Tông là ngoại tôn của Tân La đã lên ngôi báu; từ đó những người kế thừa đều là cháu con của họ, đó há chẳng phải là âm đức đó ư?

Tân La đã dâng đất, quốc gia không còn, A Can Thần Hội bãi quan từ châu quận trở về, thấy kinh đô ly tán thì cảm than rơi nước mắt, mà làm một bài ca (nay đã thất lạc).

Nam Phù Dư - Tiền Bách Tế - Bắc Phù Dư: (đã ghi ở trên)

Quận Phù Dư tức kinh đô của Tiền Bách Tế, hoặc gọi đó là Sở Phù Lý Quận. Theo Tam Quốc Sử Ký, mùa xuân năm Mậu Ngọ, năm hai mươi sáu đời Thánh Vương của Bách Tế, Vương nước này đã dời đến Tứ Thủy, nay là Cổ Tỉnh Tân. Sở Phù Lý là tên riêng của Phù Dư, đã ghi chú ở trên. Lương Điền Trưởng Tịch (sách sổ ghi chép về ruộng đất) thì ghi là ruộng đất quận Sở Phù Lý. Nay nói Phù Dư Quận là vì theo tên gọi thời thượng cổ, vua Bách Tế họ Phù, nên đặt là Phù Dư. Hoặc gọi là Dư Châu, vì bức tường thêu treo trên tòa cao ở chùa Tư phước phía Tây của quận có ghi: “Tháng năm năm Đinh Dậu niên hiệu Thống Hòa mười lăm, Dư Châu Công Đức Đại Tự Túc Trưởng”. Vả lại khi xưa ở Hà Nam đặt chức thứ sử Dư châu, bấy giờ trong bản đồ có ghi hai chữ Dư châu, Lâm châu. Lâm châu nay là quận Quế Lâm, Dư châu nay là quận Phù Dư.

Bách Tế địa lý chí ghi: Hậu Hán thư nói: Tam Hàn gồm bảy mươi tám nước, Bách Tế là một trong số đó.

Bắc sử ghi ghi: “Nước Bách Tế, phía Đông giáp Tân La, phía Tây sát Đông Hải, phía Bắc gặp sông Hán, đó là quận Cư Bạt Thành. Lại ghi: Cổ Ma Thành, bên ngoài lại có Ngũ Phương Thành”.

Thông Điển ghi: Bách Tế, phía Nam giáp Tân La, bắc giáp Cao Ly, phía Tây giáp biển lớn.

Cựu Đường Thư ghi: Bách Tế là một chủng tộc riêng của Quyết Dư, Đông bắc giáp Tân La, Tây vượt biển thì đến Việt châu, Nam vượt biển thì đến Nhật Bản, Bắc giáp Cao Ly, nơi vua nước này lập đô có hai thành là Đông và Tây.

Tân Đường Thư ghi: Bách Tế phía Tây giáp Việt châu, Nam giáp Nhật Bản, đều phải vượt biển, Bắc giáp Cao Ly.

Quốc sử Bản Kỷ ghi: Thỉ Tổ của Bách Tế là Ôn Tộ, cha ông là Sô Mâu Vương, hoặc gọi là Chu Mông, từ Bắc Phù Dư lánh nạn đến Tốt Bản Phù Dư, Vương của châu này không có con trai, chỉ có ba người

con gái, thấy Châu Mông biết là người khác thường nên gả con gái thứ hai cho. Không bao lâu, Vương của Phù Dư băng hà, Chu Mông kế vị, sinh được hai con trai, trưởng là Phí Lưu, thứ là Ôn Tộ. Sợ sau này Thái tử không dung nạp, nên Ôn Tộ dẫn mười vị đại thần như Ô Can, Mã Lê đi về Nam, nhân dân đi theo rất đông, đi mãi đến Hán Sơn, lên đồi Phụ Nhi, quan sát vùng đất nào mà có thể an cư được. Phí Lưu muốn đóng đô ở gần bờ biển, mười vị đại thần can gián rằng: Chỉ có đất Hà Nam này, Bắc giáp sông Hán, Đông dựa vào núi cao, Nam nhìn ra Ốc Trạch, Tây có biển lớn ngăn chặn, thật là thiên hiểm, địa lợi, là một vùng đất khó được, đóng đô nơi đây, cũng chẳng phải là hợp lắm ư?

Phí Lưu chẳng chịu, chia dân dẫn trở về đóng đô tại Di Sô Hốt. Ôn Tộ đóng đô tại Úy Lễ Thành ở Hà Nam, dùng mười vị đại thần làm phụ chánh, đặt tên nước là Thập Tế.

Vào niên hiệu Hồng Gia thứ ba đời Hán Thành Đế. Vì Di Sô Hốt là đất ẩm thấp ngập mặn, không thể sống được nên Phí Lưu trở về, thấy Úy Lễ Thành đã định xong đô ấp, nhân dân an thái, bèn hổ thẹn mà chết, thần dân đều đến Úy Lễ Thành; từ đó về sau nhân dân vui hòa yên ổn, bèn đổi hiệu là Bách Tế.

Vì tổ tiên Bách Tế cũng như Cao Cú Ly, đồng xuất từ Phù Dư nên đều lấy họ Giải. Đến đời Thánh Vương dời đô về Tứ Thử nay là quận Phù Dư (Di Sô Hốt, Nhân Châu, Úy Lễ nay là Lăng Sơn). Cổ Điển Ký ghi: Con thứ ba của Đông Minh Vương là Ôn Tộ, vào năm Quý Mão, niên hiệu Hồng Gia thứ ba đời Tiên Hán đã từ Tốt Bản Phù Dư đến Úy Lễ thành lập đô xưng Vương; đến năm Bính Thìn niên hiệu Hồng Gia mười bốn dời đô đến Hán Sơn (nay là Quảng châu). Trải qua ba trăm tám mươi chín năm, đến đời thứ mười ba là Cận Tiểu Cổ Vương chiếm Nam Bình Nhưỡng của Cao Cú Ly rồi dời đô về Bắc Hán Thành (nay là Dương châu). Lại trải qua một trăm năm mươi năm, đến đời hai mươi hai là Văn Chu Vương, năm Ất Mão, niên hiệu Nguyên Huy thứ ba lại dời đô về Hùng Xuyên (nay là Công Châu). Lại trải qua sáu mươi ba năm, đến đời hai mươi sáu là Thánh vương lại dời đô đến Sở Phủ Lý, đổi quốc hiệu là Nam Phù Dư. Đến đời ba mươi một là Nghĩa Từ Vương, đã trải qua một trăm hai mươi năm, vào niên hiệu Hiển Khánh thứ năm nhà Đường, bấy giờ Nghĩa Từ Vương đã tại vị được hai mươi năm, Kim Dữu Tín của Tân La và Tô Định Phương của Đường chinh phạt bình định Bách Tế.

Nước Bách Tế xưa có năm bộ, phân chia thống lãnh ba mươi bảy quận, gồm hai trăm thành, bảy mươi sáu vạn hộ. Nhà Đường phân chia,

đặt đất này làm năm Đô Đốc Phủ là Hùng Tân, Mã Hàn, Đông Minh, Kim Liên và Đức An, vẫn dùng các Tù trưởng của Bách Tế làm Thứ sử Đô Đốc Phủ. Không bao lâu thì Tân La chiếm nước này lập thành ba châu là Hùng, Toàn và Võ cùng với các quận huyện.

Ở chùa Hồ Nham có gộp đá Chánh Sự, mỗi khi quốc gia muốn nghị bàn về chức Tế Tướng, thì viết tên những người được tuyển chọn vào ba hoặc bốn cái hộp niêm phong kỹ, rồi đặt trên gộp đá này, trong giấy lát mở ra xem, nếu trên tên của ai có dấu ấn thì người ấy làm Tế tướng. Vì thế có tên là Chánh Sự.

Bên bờ sông Tứ Thử có một gộp đá, Tô Định Phương từng ngồi nơi đây câu cá, có rồng xuất hiện, nên trên đó có dấu vết rồng quỳ, do đó gọi là Long nham.

Trong quận này có ba ngọn núi là Nhật sơn, Ngô sơn và Phù sơn. Khi đất nước toàn thịnh, mỗi núi đều có thần nhân cư trụ, bay qua lại với nhau, ngày đêm chẳng dứt.

Bên bờ sông Tứ Thử có một phiến đá lớn có thể ngồi trên mười người, vua Bách Tế muốn đến chùa Vương Hưng lễ Phật, thì trước đứng trên phiến đá này từ xa bái Phật, thì phiến đá này tự nhiên ấm lên. Do đó mà gọi là Noãn thạch. Hai bên bờ sông Tứ Thử cảnh vật giống như bức họa, vua Bách Tế thường đến đây dự yến tiệc thưởng thức ca múa, nên đến nay gọi là Đại Vương Phố. Thử Tổ của Bách Tế là Ôn Tộ, là con thứ ba của Đông Minh, ông có thân hình cao lớn, tánh tình hòa hiếu, giỏi cưỡi ngựa bắn tên. Còn Đa Lâu Vương thì tánh tình khoan dung nhân hậu, có uy thế. Sa Thế Vương (còn gọi là Sa Y Vương), khi Cừu Thử Vương băng hà thì lên ngôi, nhưng còn nhỏ chẳng thể nắm giữ triều chánh nên bị phế, đồng thời lập Cổ Nhĩ Vương. Hoặc cho rằng năm Kỷ Mùi niên hiệu Lạc Sơ thứ hai Sa Thế Vương băng hà, Cổ Nhĩ mới lên ngôi.

Võ Vương:

(Bản xưa ghi là Võ Khang, thì chẳng phải, Bách Tế không có Võ Khang)

Đời thứ ba mươi là Võ Vương, Vương tên là Chương, mẹ cô quả, làm nhà bên bờ ao ở phía Nam (Nam trì) kinh thành sinh sống, nhân tư thông với con rồng dưới ao mà có thai sinh ra Vương. Thuở nhỏ tên là Thự Đồng, khí lượng khó biết, thường đào củ hoài sơn (Thự dự) bán lấy tiền nuôi sống, do đó mọi người gọi là Thự Đồng. Một hôm nghe nói công chúa thứ ba của Chân Bình Vương nước Tân La là Thiện Hoa (còn

gọi là Thiện Hóa) dung nhan tuyệt thế, Thự Đồng bèn cạo tóc đến kinh đô Tân La, đem củ hoài sơn cho các đứa trẻ trong thôn xóm ăn, nên tất cả đều gần gũi thân mật. Thự Đồng bèn làm một bài đồng dao rồi dụ dẫn các đứa trẻ hát lên, loan truyền khắp kinh thành. Bài ca rằng:

*Công chúa Thiện Hoa, chỉ cưới Thự Đồng
Thự Đồng ban đêm sẽ đến mang đi.*

(tạm dịch theo ý)

Bài ca-sau đó truyền vào cấm cung, trăm quan cực lực khuyên bảo nên đem công chúa trốn ở một nơi xa. Lúc sắp đi, Vương hậu ban cho một đấu vàng làm lộ phí. Khi công chúa sắp đến nơi ẩn trốn, Thự Đồng xuất hiện lễ bái công chúa giữa đường, xin đi theo làm thị vệ. Công chúa tuy chưa biết Thự Đồng từ đâu đến, cũng vui vẻ tin tưởng chấp nhận. Nhân đó mà đi với nhau, rồi ngâm tư thông. Sau khi biết được tên là Thự đồng, thì mới tin bài đồng dao kia có ứng nghiệm. Cả hai trở về Bách Tế, công chúa đem số vàng mà mẫu hậu đã tặng lúc ra đi đưa cho Thự Đồng để làm kế sinh sống. Thự Đồng hỏi rằng:

- Đây là vật gì?

- Đây là vàng ròng, có thể làm cho giàu có cả đời đấy! Công chúa trả lời.

Thự Đồng nói:

- Từ nhỏ ta đào đất lấy Hoài sơn, nhặt cái này chất như bùn đất, hàng đồng.

Công chúa kinh hãi nói:

- Đó là vật báu trong thiên hạ, nay chàng đã biết nơi có vàng, thì nên chuyển vào cung điện cho cha mẹ, được chăng?

Thự Đồng trả lời: Có thể được!

Bấy giờ hai người liền dồn chất vàng thành đồng cao lớn như ngọn đồi, rồi đến Pháp sư Trí Mạng ở chùa Sư Tử, núi Long Hoa, hỏi về phương kế chuyển vàng. Pháp Sư nói: “Ta có thể dùng thần lực để chuyển, hãy đem vàng đến đây!”

Công chúa viết thư, đồng thời chuyển vàng đến trước chùa Sư Tử. Sư dùng thần lực, trong một đêm đã chuyển hết số vàng vào trong cung điện của Tân La. Chân Bình Vương vô cùng kinh dị với thần biến ấy, nên rất tôn kính, viết thư vấn an luôn. Thự Đồng do đó mà được lòng người, nên về sau lên ngôi vương Bách Tế. Một hôm Vương và phu nhân muốn đến chùa Sư Tử, ngang qua một cái ao lớn dưới chân núi Long Hoa, bỗng nhiên Di-lặc Tam Tôn xuất hiện trong ao, Vương và phu nhân dừng lại đảnh lễ. Phu nhân nói rằng: “Cần phải lập một ngôi

Già lam lớn nơi đây để làm kiên cố thêm sở nguyện.” Vương đồng ý, đến nơi Pháp sư Tri Mạng thưa hỏi về việc lấp ao. Pháp Sư cũng dùng thần lực trong một đêm bạt núi lấp ao thành đất bằng. Vương và phu nhân sai lập Pháp Tượng Di-lặc Tam Tôn, điện tháp, sảnh đường... mỗi mỗi đều ba tòa, đặt tên là Di-lặc Tự (quốc sử ghi là Vương Hưng Tự). Chân Bình Vương sai một trăm thợ giỏi phụ giúp.

Đến nay chùa vẫn còn (Tam Quốc sử ghi: Là con trai của Pháp Vương, mà ở đây truyện ghi chỉ có con gái. Chưa rõ vì sao?)

Hậu Bách Tế - Chân Huyền:

Tam Quốc Sử bản truyện ghi: Chân Huyền người huyện Gia Ân, Thượng châu, sinh vào năm Đinh Hợi niên hiệu Hàm Thông thứ tám, vốn họ Lý, sau đổi thành họ Chân, cha tên là A Từ Cá, làm nghề nông. Trong năm Quang Khải, Huyền chiếm cứ thành Sa Phát, tự xưng là tướng quân (Sa Phát nay là Thượng châu), có bốn người con trai đều nổi tiếng ở đời.

Huyền là người kiệt xuất, nhiều tài trí mưu lược; Lý Bi Gia ký ghi: Chân Hưng Đại Vương có người phi là Tư Dao, thụ là Bạch Tung phu nhân. Con của người con thứ ba Cừu Luân Công là Ba Trân Can Thiện Phẩm, con của Thiện Phẩm là Giác Can Chước Trân cưới Vương Giáo Ba Lý sinh ra Giác Can Nguyên Thiện, đó là A Từ Cá. Vợ thứ nhất của A Từ Cá là Thượng Viện phu nhân, người vợ thứ hai là Nam Viện phu nhân, sinh ra năm người con trai và một người con gái. Trưởng tử là Thượng Phụ Huyền, người thứ hai là Tướng quân Năng Ai, người thứ ba là Tướng quân Long Cái, thứ tư là Bảo Cái, thứ năm là Tướng quân Tiểu Cái, một người con gái là Đại Chúa Dao Kim.

Cổ Ký ghi: Xưa có một người rất giàu sống tại Bắc Thôn ở Quang Châu, sinh được một người con gái, dung mạo đoan chánh. Một hôm người con gái nói với cha rằng: “Thường có một người con trai mặc áo tím tối đến giao hôn”. Người cha nói: “Lấy sợi chỉ dài xuyên vào cây kim rồi ghim vào áo của hắn!”. Người con gái nghe theo. Đến sáng lần theo hết sợi chỉ đến chân tường phía Bắc, thì thấy cây kim đang cắm vào lưng một con giun. Sau đó người con gái có thai, sinh ra một bé trai, năm mười lăm tuổi tự xưng là Chân Huyền. Đến năm Nhâm Tý niên hiệu Cảnh Phước thứ nhất xưng Vương, định đô ở quận Hoàn Sơn, tại vị bốn mươi ba năm, đến năm Giáp Ngọ, niên hiệu Thanh Thái thứ nhất, con thứ ba của Huyền soán ngôi, Huyền phải chạy qua đầu hàng Thái Tổ, con là Kim Cang lên ngôi. Năm Bính Thân, niên hiệu Thiên Phước thứ

nhất, giao chiến với quân Cao Ly ở Nhất thiện quận, Bách Tế liên tiếp bại trận, cuối cùng thì mất nước”.

Khi Huyền còn ở tuổi ẵm bồng, cha mẹ thường mang theo ra đồng ruộng, cha cày ruộng, mẹ đặt con bên rũng để lo nấu cơm, khi ấy thường có cọp đến cho bú. Người trong làng nghe biết cho là kỳ lạ. Đến lúc tráng niên thì tướng mạo kỳ vĩ, chí khí lỗi lạc bất phàm; theo quân vào kinh đô, đến biển tây nam chặn gối trên mác đợi địch, chí khí mạnh mẽ luôn luôn dẫn đầu quân sĩ, vì có công lao nên được làm phó tướng. Năm Cảnh Phước thứ nhất đời Đường Chiêu Tông, tức năm thứ sáu đời Chân Thánh Vương Tân La. Các tiểu quan được Vương sủng ái ở trong triều trộm lộng quyền hành, làm rối loạn kỷ cương phép nước, lại thêm đói kém, nhân dân lưu tán, trộm cướp nổi lên khắp nơi. Bấy giờ Huyền thâm khởi tâm mưu phản, nên tụ tập đồ chúng bạn bè đánh chiếm các châu huyện phía Tây nam kinh thành, nơi Huyền đến thì mọi người đều hưởng ứng. Trong khoảng từ mười ngày đến một tháng mà quân đã lên đến năm ngàn, bèn chiếm Vũ Trân Châu, tự lập làm vương, nhưng chưa dám công khai xưng vương; tự đề là Tân La Tây Diện Đô Thống Hành Toàn Châu Thứ Sử kiêm Ngự Sử Trung Thừa Thượng Trụ Quốc Hán Nam Quận Khai Quốc Công.

Năm Kỷ Dậu, niên hiệu Long Kỷ thứ nhất (có thuyết nói là năm Nhâm Tý, niên hiệu Cảnh Phước thứ nhất), giặc Bắc Nguyên là Lương Cát hùng mạnh, Cung Duệ đầu quân vào đây. Huyền nghe được, từ xa trao cho Lương Cát làm Tỳ tướng (phó tướng). Một hôm Huyền tuần thú đến Hoàn Sơn Châu nhân dân ra nghinh đón thăm hỏi, Huyền vui mừng vì đã được lòng người, nói với kẻ tả hữu rằng: “Bách Tế khai quốc được hơn sáu trăm năm, do Tân La xin binh, nên Đường Cao Tông sai Tô Định Phương tướng quân đem mười ba vạn quân đi thuyền vượt biển, còn Kim Dữu Tín của Tân La theo đường bộ vượt Hoàng Sơn hợp với binh Đường diệt Bách Tế. Vậy nay ta chẳng dám lập đô để rửa mối hận xưa hay sao?”. Từ đó bèn xưng là Hậu Bách Tế Vương, sắp đặt quan tước, chức vị, đó là vào năm Quang Hoa thứ ba nhà Đường, năm thứ tư đời Hiếu Cung Vương của Tân La.

Năm Mậu Dần, niên hiệu Trinh Minh thứ tư, nhân tâm ở kinh đô Thiết Nguyên bỗng nhiên sinh biến, tôn Thái Tổ ta lên ngôi. Huyền nghe tin sai sứ sang chúc mừng. Thái tổ tặng quạt Khổng tước, mũi tên tre ở Địa lý sơn... Huyền và Thái Tổ về dương thì hòa về âm thì khắc. Huyền tặng ngựa quý cho Thái Tổ. Nhưng đến tháng mười mùa đông năm thứ ba, Huyền dẫn năm ngàn quân kỵ đến Tài Vật Thành (nay chưa

rõ ở đâu), Thái tổ cũng đem tinh binh đến giao chiến. Binh của Huyền mạnh, đánh lâu mà không phân thắng bại, Thái Tổ muốn tạm hòa để dưỡng quân, do đó viết thư xin hòa, cho em ruột là Vương Tín sang làm con tin, Huyền cũng gởi cháu ngoại là Chân Võ sang làm con tin. Tháng mười hai Huyền đánh chiếm hơn hai mươi thành như Cư Tây... rồi sai sứ vào triều Đường xưng phiên hầu. Vua Đường phong Huyền làm Kiểm Hiệu Thái Úy Kiêm Thị Trung Phán Bách Tế Quân Sự, y như trước giữ chức Đô Đốc Hành Toàn Châu Thứ Sử Đông Hải Tây Diên Đô Thống chỉ huy binh mã. Cất đặt các việc, Bách Tế Vương hưởng thực ấp hai ngàn năm trăm hộ. Tháng tư Chân Võ bỗng nhiên qua đời, Huyền nghi do cố sát nên cầm tù Vương Tín, sai người qua đòi lại ngựa đã hiến khi trước, Thái Tổ cười rồi trao lại.

Tháng chín năm Đinh Hợi, niên hiệu Thiên Thành thứ hai Huyền lại đánh chiếm Cận Phẩm Thành (nay là huyện Sơn Dương) và đốt cháy. Vua Tân La cầu cứu Thái Tổ, Thái Tổ sắp xuất quân, thì Huyền đã đánh úp phủ Cao Tước (nay là Úy Châu) tiến thẳng đến Tộc Thủy lâm (còn gọi là Kê lâm ở phía Tây kinh đô), đột nhập kinh thành Tân La. Bấy giờ vua Tân La và phu nhân đang dạo chơi tại Bào Thạch Đình, do đó bị đại bại. Huyền cưỡng ép phu nhân và hãm hiếp, đưa em họ của Vương là Kim Truyền lên ngôi. Sau đó bắt Vương đệ là Hiếu Liêm, Tể tướng là Anh Cảnh, cướp đoạt của cải châu báu, binh khí, thiếu nữ và thợ giỏi về nước. Thái tổ dẫn năm ngàn kỵ binh tinh nhuệ chặn Huyền tại chân Công Sơn giao chiến, tướng của Thái Tổ là Kim Nhạc, Sùng Khiêm tử trận, bại quân chạy về Bắc, Thái Tổ chỉ vì thoát thân nên chẳng dám chống cự, khiến cho Huyền càng tung hoành, thừa thắng chuyển đánh cướp thành Đại Mộc (nay là Nhược Mộc), phủ Kinh Sơn, Khang Châu; lại công phá thành Phủu Cốc. Lại tướng giữ phủ Nghĩa Thành là Hồng Thuật đã chống cự mà tử trận. Thái Tổ than rằng:

- Ta mất cánh tay phải rồi!

Năm Canh Dần, năm thứ bốn mươi hai (nhằm niên hiệu Trường Hưng thứ 1), Huyền muốn đánh chiếm quận Cổ Xương (An đông) nên dẫn đại quân đến Thạch Sơn hạ trại. Thái Tổ cũng dẫn đại quân đến hạ trại ở Bình sơn, phía Bắc quận, cách Huyền một trăm bộ. Hai bên bày trận, quân của Huyền đại bại, Thế Tổ bắt sống Thị Lang Kim Ốc. Sáng hôm sau, Huyền thâu quân, tập kích thành Thuận châu, thành chủ là Nguyên Phùng không kháng cự nổi bỏ thành chạy trốn. Thái Tổ giận dữ, biếm làm tri huyện Hạ Chí (nay là huyện Phong sơn. Nguyên Phùng là người thành Thuận châu).

Vua quan Tân La vì vận nước suy vi, khó có thể phục hưng được, nên bàn muốn cùng Thái Tổ ta kết mối giao hảo để nhờ cứu giúp. Huyền nghe được, muốn vào kinh đô Tân La để công phá, e sợ Thái Tổ vào trước, nên gửi thư đến Thái Tổ, thư ghi:

- Hôm qua, tướng của Tân La là Kim Hùng Liêm... đến triệu túc hạ vào kinh, đó giống như ba ba đáp ứng tiếng kêu của ba ba, muốn chim sẻ mà mang cánh đại bàng, nhất định sẽ khiến sinh linh lầm than, xã tắc hoang phế! Ta bấy giờ trước cầm ngọn roi của tổ, lia lưới búa của Hàn, thề cùng trăm quan lòng sáng như mặt trời, dù cùng sáu bộ nên lấy nghĩa cao. Chẳng ngờ gian thần chạy trốn, Quốc quân thăng hà. Ta bèn khuyên lập ngoại tôn của Hiến Khang Vương (em của Cảnh Minh Vương) lên ngôi. Mất vua mà còn có vua tại vị! Túc hạ chẳng tin lời trung thật mà lại nghe lời đồn hư, tính trăm mưu ngàn kế rình rập, nhiều lần xâm phạm quấy nhiễu, mà còn chẳng thể thấy được đầu ngựa của ta cắt được lông trâu của ta. Như đầu mùa đông Đô Đầu Sách Sương chịu trời ở trận Tinh Sơn; trong tháng này tả tướng Kim Nhạc phối thầy trước chùa Mỹ Lợi, bị giết đã nhiều mà bị bắt cũng chẳng ít. Mạnh yếu như thế thì thắng bại có thể biết, ta mong túc hạ treo cung nơi lầu Bình Nhưỡng, cho ngựa uống nước nơi Phối giang. Nhưng ngày bảy tháng trước nước Ngô Việt sai sứ là Ban Thượng Thư đến truyền chiếu chỉ của vua nói rằng: “Biết khanh và Cao Ly vốn có tình hòa hiếu từ lâu, đã cùng kết minh thân cận. Nhân hai người làm tin bị chết mà khiến cho mất đi tình hòa thân vốn có, xâm đoạt cương thổ lẫn nhau, can qua chẳng dứt. Nay trẫm truyền sứ thần đến địa phận của khanh, lại chuyển thư đến Cao Ly, mỗi mỗi nên giúp đỡ nương nhau, vĩnh viễn tin tưởng nhau mà chấm dứt can qua...!”

Ta về nghĩa rất tôn trọng Vương, về tình dốc lòng phụng sự Đại quốc, vừa nghe chỉ dụ liền muốn vâng theo. Nhưng suy nghĩ túc hạ cũng muốn bãi binh, chẳng thể khốn khó mà độc chiến, nên nay lục lại chiếu thư gửi trình túc hạ, xin để tâm xem rõ. Nếu như Thỏ hay cho giải đều thất bại ắt chuốc lấy lời đàm tiếu, ngao cò tranh nhau thì cũng làm người chê cười. Thế nên lấy đó để răn mình, tự chiêu họa thì không còn cơ hối hận.

Tháng giêng niên hiệu Thiên Thành thứ hai Thái Tổ viết thư phúc đáp rằng:

- Kính nhận một đạo chiếu thư của quốc vương nước Ngô Việt do Thông Sứ Ban Thượng Thư truyền đến, đồng thời nhờ ân túc hạ khuất mình gửi cho một lá thư dài trình bày mọi việc:

Sứ thần ngồi xe đẹp, truyền đến một đạo chiếu thư; lời hay trên lụa trắng ban cho lời chỉ dạy. Tay cầm Thánh chỉ mà tăng phần cảm kích, tay mở thư xem mà lòng khó tránh nổi hiềm nghi. Nay gửi trở về lòng chân thành bày tỏ. Tôi trên được trời sai bảo dưới thì được nhân dân suy tôn, quá to với quyền tướng soái, mong đạt đến vận hội an bang. Bỗng chốc Tam Hàn nguy ách, cửu thổ loạn ly, dân đen phần nhiều làm giặc cướp, vườn ruộng đều trở thành hoang sơ. Bởi mong ngăn dứt được cảnh phong trần kinh sợ, cứu giúp được xã tắc tai ương, bèn tự đến thân gần để kết tình hiếu hảo. Quả thật đã thấy được vài ngàn dặm ruộng đồng xanh tốt, nhân dân lạc nghiệp, binh lính an nhàn nghỉ ngơi được bảy, tám năm. Cho đến năm Quý Dậu đây, đúng vào tháng mười, bỗng nhiên sinh việc, dẫn đến giao binh. Túc hạ đầu tiên khinh địch tiến lên phía trước, như bộ ngựa chống với bánh xe, rốt cuộc biết khó thắng mà rút lui, như loài muỗi mòng vác mang núi lớn, phải vòng tay mà xin bày tỏ, chỉ trời mà tự thệ rằng: “Từ nay về sau vĩnh viễn hiếu hòa. Nếu như phản lời thề thì thần minh tru diệt!”

Ta cũng chuộng chánh nghĩa chấm dứt can qua, cầu đức nhân không lòng sát hại, nên mới giải trùng vây để quân nghỉ dưỡng, không chối từ việc gửi con tin muốn dân an lạc. Đó là ta có đức lớn đối với dân Nam vậy. Đâu ngờ máu thề chưa ráo, lòng hung dữ đã lại khởi lên; ong rết dùng nọc độc để sát hại dân lành, sói lang điên cuồng xâm hủy kinh đô khiến cho Kim thành quần bách, Hoàng thất sợ kinh. Bạc trượng nghĩa phò Chu, có ai giống như Hoàn Văn Bá; thừa cơ đoạt Hán chỉ thấy có Vương Mãng Đông Trác gian thần. Khiến cho bạc quân vương chí tôn, hạ mình xưng thần với túc hạ. Thế thì tôn ti lẫn lộn, trên dưới đồng lo, cho rằng như chẳng có bậc trung trinh phụ tá, thì xã tắc đâu lại được an khang; ta lòng không dấu ác, chí tha thiết tôn vương, muốn cứu khổn triều đình, khiến phò nguy đất nước. Còn túc hạ chỉ thấy cái lợi nhỏ bé mà đánh mất ân dày của trời đất. Chém chết quân vương, thiêu đốt cung điện, sát hại quần thần, cướp bóc nhân dân; gái đẹp thì bắt để cưỡng dâm, tiền của thì cướp đem về nước. Thật là ác hơn Kiệt, Trụ, bất nhân vượt cả loài cú mèo, ác cảnh (chim, thú ăn thịt cha mẹ). Lòng ta oán túc hạ thật ngút trời, tâm ta chí thành sáng hơn nhật nguyệt. Thề đánh đuổi loài ưng chiên (một loài chim dữ) để tỏ rõ bản phận khuyến mã, nên lại phát động can qua, hai lần thay đổi tướng soái. Đánh trên bộ thì như sấm vang chớp giạt, đánh dưới nước thì như hổ tát rồng bay, đuổi chư tướng ra tận bờ biển, giáp chất như non; bắt Sồ Tổ ở bên thành, thầy phối đầy đồng nội. Lại nơi quận Yên sơn chém Cát Hoán trước ba quân,

thành Mã Lợi (nghe là quận Y sơn) giết Tùỵ Ngộ bên bờ soái. Ngày chiếm Nhâm Tôn (nay là quận Đại Hưng) vài trăm người như Hình Tích... phải bỏ mạng, lúc phá Thanh Xuyên (một huyện thuộc Thương châu), bốn, năm tướng như Trực Tâm... phải mất đầu. Nơi Đồng Tẩu (nay là chùa Đồng Hoa) thấy tinh kỳ mà tan tác, ở Kinh Sơn dâng lễ mà đầu hàng. Khương Châu thì quân từ hướng Nam mà đến La Phủ thì từ phía Tây mà vào, thế tấn công như vậy thì việc thâu phục đầu còn xa, ắt hẹn trên sông để rửa sạch mối hận một ngàn thuyền của Trương Nhĩ, bên bờ Ô giang hoàn thành tâm nhất thống của Hán Vương. Ngừng dứt phong ba, trời trong biển lặng. Được Hoàng Thiên trợ giúp, mạng vận muốn về đâu? Hà hướng thừa chiếu chỉ của Ngô Việt Vương, đức nhuần thấm khắp cùng, lòng nhân sâu xa dưỡng sinh muôn loài nơi Cấm thành đã đặc ban chiếu chỉ, hiểu dụ cấm chiến nạn ở Thanh Khâu (Hải Đông), mà dám chẳng tuân mạng ư? Nếu Túc hạ vâng theo thánh chỉ sáng suốt kia, dẹp bỏ tất cả hung đồ, thì không chỉ hợp với lòng nhân của Thượng quốc, mà còn tiếp nối được vận tuyệt của Hải Đông. Nếu chẳng thông đạt mà chống trái thì có hối cũng chẳng kịp!” (Thôi Trí Viễn soạn).

Niên hiệu Trường Hưng thứ ba, Cũng Trực được một mưu thần đồng mãnh có trí lược của Chân Huyền qua đầu Thái Tổ. Chân Huyền bèn bắt hai con trai và một con gái của Cung Trực đốt cháy, cắt đứt gân đùi của họ. Đến tháng chín, mùa thu năm ấy Huyền sai Nhất Cát dùng thủy binh vào bờ sông Lễ Thành của Cao Ly, ở lại ba ngày cướp đốt hơn một trăm chiếc thuyền của ba châu Diêm, Bạch, Chân rồi rút lui.

Năm Giáp Ngọ niên hiệu Thành Thái thứ nhất, Huyền nghe Thái Tổ đóng binh ở Vận châu (chưa rõ nơi đâu) bèn tuyển chọn binh sĩ tinh nhuệ, ăn cơm sớm rồi đến tấn công, chưa đến đồn doanh thì bị Tướng quân Kiểm Bật dẫn quân kỵ tập kích, chém hơn ba ngàn thủ cấp, Huyền đại bại; từ Hùng Tân trở về phía Bắc hơn ba mươi thành vừa nghe thì đầu hàng. Bộ hạ của Huyền như Thuật Sĩ Tông Huấn, thầy thuốc Chí Khiêm, đồng tướng Thượng Đạt, Thôi Bật... đều hàng Thái Tổ.

Tháng giêng năm Bính Thân, Huyền nói với các người con rằng: “Vào cuối đời Tân La, Lão phu lập Hậu Bách Tế đến nay đã nhiều năm rồi, binh lính nhiều hơn Bắc quân, mà còn chẳng thắng lợi, đó là do trời ban cho đất Cao Ly vậy. Nay nên quy thuận Bắc Vương để bảo toàn mạng sống”.

Ba người con của Huyền là Thần Kiếm, Long Kiếm, Lương Kiếm đều không chịu. Lý Đề Gia Ký ghi: “Huyền có chín người con: Trưởng là Thần Kiếm (còn gọi là Chân Thành), thứ hai là Đại Sư Khiêm Nã,

thứ ba Tả Thừa Long Thuật, thứ tư là Đại Sư Thông Trí, thứ năm là Đại A Can Tông Hữu, thứ sáu Khuyết danh, thứ bảy là Tả Thừa Vị Hưng, thứ tám là Đại Sư Thanh Khâu, và một con gái là Quốc Đại phu nhân, tất cả đều do Thượng Viện phu nhân sinh ra”. Huyền có rất nhiều con, hơn mười người. Trong đó người con thứ tư là Kim Cang, thân hình cao lớn, nhiều tài trí, Huyền rất yêu mến ý muốn truyền ngôi vị. Các người anh là Thần Kiếm, Lương Kiếm, Long Kiếm biết được nên rất lo buồn. Bấy giờ Lương Kiếm làm Đô Đốc Khương Châu, Long Kiếm làm đô đốc Võ châu, chỉ còn một mình Thần Kiếm ở bên Huyền. Bấy giờ Năng Hoán sai người đến hai châu Lương và Võ để lập mưu; cho đến tháng ba, mùa Xuân năm Ất Mùi, niên hiệu Thanh Thái thứ ba, cùng với Anh Thuật... nhốt Huyền tại Kim Sơn Phật Tự, sai người giết Kim Cang, Thần Kiếm tự xưng Đại Vương. Đại xá trong nước.

Đầu tiên Huyền ngủ chưa dậy, từ xa nghe trong cung đình có tiếng kêu la, Huyền hỏi:

- Tiếng gì vậy?

Đáp rằng:

- Vương nay đã già, mờ mịt với việc trị chánh của triều đình, nay trưởng tử là Thần Kiếm nhận lấy Vương vị của cha, đó là tiếng các tướng sĩ tung hô chúc mừng!

Lát sau chuyển Huyền đến Kim Sơn Phật Tự, cho Ba Đạt và ba mươi tráng sĩ canh giữ; có bài đồng dao rằng: “Đáng thương đứa bé Hoàn Sơn, mất cha lệ tuôn như mưa”. Huyền cùng với hai người một nam một nữ trẻ tuổi của hậu cung, một thị tỳ là Cổ Tỉ, một nội nhân là Năng Hựu đều bị cầm tù. Đến tháng tư, chuốc rượu cho ba mươi lính canh say ngủ, Huyền và mọi người được Nguyên Phủ Hương Vãn, Ngô Diễm, Trung Chất theo đường biển đón đến Cao Ly. Khi đã đến, vì Huyền lớn hơn mười tuổi nên tôn là Thượng phụ, cho ở Nam Cung, ban cho điền trang thực ấp ở Dương châu, bốn mươi nô tỳ, chín con ngựa. Những người từ nước này đến hàng từ trước như Tín Khang làm Nha tiền. Con rể của Chân Huyền là Tướng Quân Anh Quy, mật nói với vợ rằng: Đại vương khổ nhọc hơn bốn mươi năm trời, công nghiệp sắp thành, bỗng chốc vì cái họa trong nhà mà mất đất, phải chạy sang Cao Ly. Phàm trình nữ không thờ hai chồng, tôi trung không phò hai chúa. Nếu bỏ chúa mình mà theo phụng sự nghịch tử thì còn mặt mũi nào gặp nghĩa sĩ trong thiên hạ? Hà huống nghe nói vua Cao Ly công minh nhân hậu, cần kiệm, thân phục được nhân tâm, được trời khai phát chỉ dạy, nhất định sẽ làm chủ Tam Hàn; ta nên gửi thư an ủi vua ta, đồng thời ân

cần thăm hỏi các Vương công, để mong cầu được phước mai sau?

Người vợ nói rằng: Lời phu quân nói rất hợp ý thiếp. Bấy giờ vào tháng hai năm Bính Thân, niên hiệu Thiên Phước thứ nhất, Anh Quy sai người chuyển ý mình đến Thái Tổ, viết rằng: “Đại vương dựng cờ đại nghĩa, đây xin làm nội ứng để đón Vương vào kinh!”

Thái Tổ vui mừng ban thưởng cho sứ rất nhiều, rồi nói với sứ cảm tạ Anh Quy rằng: Nếu nhờ ân mà thống nhất được, quân tiến không bị ngăn ngại, thì trước đến ra mắt tướng quân, sau thăng đường lễ phu nhân, phụng sự như anh, tôn kính như chị, đồng thời sau nhất định sẽ báo đáp. Xin trời đất quý thần nghe chứng cho lời này!

Tháng sáu, Huyền thưa với Thái Tổ rằng: Lão thần sở dĩ quy hàng Điện hạ, vì muốn xin nhờ uy dũng của Điện hạ, diệt trừ các nghịch tử. Cúi mong Đại vương dùng thần binh thảo trừ tặc loạn, thì thần dù chết vẫn không hối tiếc.

Thái Tổ nói: Chẳng phải không muốn chinh phạt, nhưng phải đợi thời cơ!

Trước tiên Thái Tổ sai Thái tử và Chánh tướng quân Thuật Hy lãnh một vạn quân kỵ thẳng đến phủ Thiên An. Đến tháng chín Thái Tổ thống lãnh ba quân đến phủ Thiên An hợp binh rồi tiến đến Nhất Thiện. Thần Kiếm dẫn binh ngược lên đến Giáp Ngọ, hai bên đối diện cách nhau bởi Lợi Xuyên. Vương bày trận theo thế “Cấn” là lưng, diện là “Khôn”. Xong Thái Tổ và Huyền ra xem trận, bỗng có một làn mây trắng hình như lưới kiếm hiện ra, quân ta cứ theo đó nổi trống mà tiến lên. Các tướng quân của Bách Tế là Hiếu Phụng, Đức Thuật, Ái Thuật, Minh Cát... thấy quân ta thế lực lớn mạnh mà tề chỉnh, bèn cưỡi ngựa giáp quy hàng ngay tại trận. Thái Tổ đến ủy lạo và hỏi tướng soái đóng tại đâu? Hiếu Phụng trả lời rằng: “Nguyên soái Thần Kiếm đóng tại trung quân!”

Thái Tổ bèn sai tướng quân Công Huyền... dẫn ba quân đồng tiến lên giáp công, quân Bách Tế tan vỡ, chạy lên phía Bắc, đến Khôi Hiệ ở Hoàng sơn thì Thần Kiếm cùng hai người em và tướng quân Phú Đạt, Năng Hoán, cả thấy hơn bốn mươi người xin hàng. Thái Tổ cho hàng, vỗ yên tất cả, cho phép cùng với vợ con về kinh. Thái Tổ hỏi Năng Hoán rằng:

Người đầu tiên cùng với Lương Kiếm... âm thầm bày mưu cầm tù Đại vương để đưa Thần Kiếm lên ngôi, chính là người. Vậy nghĩa của kẻ làm tôi như thế ư?

Năng Hoán gục đầu không thể đáp được. Bèn chém đầu. Còn

Thần Kiếm tiếm vị là do người bức bách chẳng phải là bản ý, hơn nữa đã ra hàng xin tội, nên đặc biệt tha cho tội chết. Chân Huyền quá lo buồn mà tái phát bệnh ung thư, vài ngày sau thì qua đời tại chùa Phật ở Hàng châu, thọ bảy mươi tuổi.

Thái Tổ ban quân lệnh nghiêm minh, quân sĩ không dám phạm mảy may, châu huyện đều an bình, già trẻ đều tung hô vạn tuế. Thái Tổ nói với Anh Quy rằng:

- Sau khi vua của khanh mất nước, tất cả thần tử không một ai an ủi lo lắng, chỉ độc có vợ chồng khanh từ ngàn dặm đưa thư, để tỏ lòng thành; lại đem đến điều tốt đẹp cho quả nhân. Nghĩa ấy chẳng thể nào quên. Nay ban cho chức Tả Thừa, một ngàn khoảnh ruộng. Cho mượn ba mươi con ngựa trạm để trở về đón gia nhân. Đồng thời phong hai người con làm quan. Chân Huyền dựng nghiệp từ năm Cảnh Phước thứ nhất đời Đường, đến năm Thiên Phước thứ nhất đời Tấn, tổng cộng là bốn mươi bốn năm, diệt vào năm Bính Thân.

Sử gia luận rằng: Tân La số đã cùng, đạo đã mất. Trời không giúp đỡ, dân không có chỗ nương. Bảy giờ giặc giã thừa cơ nổi lên khắp nơi, trong đó mạnh nhất chỉ có Cung Duệ và Chân Huyền mà thôi. Cung Duệ vốn là một vương tử của Tân La mà làm phản, lấy tổ tông đất nước làm thù địch, đến nỗi chém cả tượng vẽ của tiên tổ, thật là kẻ bất nhân. Chân Huyền vốn cũng là thần dân của Tân La, hưởng bổng lộc của Tân La mà ôm lòng gây họa, thừa lúc đất nước lâm nguy mà xâm chiếm thành ấp, bắt giam vua quan như cầm thú, thật là loại hung ác trong thiên hạ. Cho nên về sau Cung Duệ bị bầy tôi của mình giết, Chân Huyền bị họa bởi các con của mình. Tất cả đều do tự thân tạo ra, đâu có gì là kỳ lạ? Tuy Hạng Vũ, Lý Mật thật có hùng tài, mà không thể địch với Hán, Đường hưng khởi hưởng gì Duệ, Huyền là kẻ ác, đâu thể chống cự lại với Thái Tổ ta?

Giá Lạc Quốc Ký:

Sự Văn Nhân Tri Châu Kim Quan soạn vào năm Đại Khương, triều Văn Miếu (nay chỉ lược ghi)

Sau khi khai mở, cõi này không có tên nước, cũng không có các danh xưng vua tôi... chỉ có chín can: Ngã Dao Can, Nhữ Dao Can, Bỉ Dao Can, Ngũ Dao Can, Lưu Thủy Can, Thần Thiên Can, Ngũ Thiên Can, Thần Quỷ Can, là các tù trưởng lãnh đạo bách tánh. Tất cả gồm một trăm bộ, bảy mươi lăm ngàn người, phần lớn ở nơi sơn dã, đào giếng lấy nước uống, cày ruộng để lấy lúa dùng. Vào ngày Tỵ thượng

tuần tháng ba năm Nhâm Dần niên hiệu Kiến Võ thứ mười tám đời Hậu Hán Quang Võ, tại Bắc Quy Chỉ (đây là từ gọi các ngọn núi chập chùng uốn lượn giống như mười võ sò úp liền nhau, nên gọi như thế), bỗng nhiên có âm thanh kêu gọi rất khác thường, khiến hai, ba trăm người tụ tập nơi đây. Có tiếng giống như tiếng người, ẩn hình mà phát ra rằng: Ở đây có người không?

Chín Can đồng đáp: Có chúng tôi ở đây.

Âm thanh kia lại phát ra rằng: Nơi ta đang ở là đâu?

Đáp: Là Quy Chỉ.

Hỏi: Hoàng Thiên bảo ta ngự đến nơi này, an định nước mới, lập quân chủ, vì thế nay ta xuống đây! Các người nên đào đỉnh núi, tập họp mọi người lại mà ca rằng:

“Rùa đâu (Quy hà)? Rùa đâu? Rùa đâu? Hiện đâu ra, nếu chẳng hiện, sẽ nướng mà ăn”, rồi nhảy múa, thì sẽ đón được Đại Vương”.

Chín Can theo lời dạy vui mừng ca múa, không bao lâu thì ngửa mặt lên không mà nhìn, chỉ thấy một sợi dây, màu tím từ trên trời kéo dài xuống đất, tìm đến dưới sợi dây thì được một cái hộp bằng vàng gói trong một tấm vải đỏ, mọi người bèn mở ra xem, thì thấy sáu quả trứng màu vàng rờn tròn như mặt trời, tất cả đều vui mừng, lạy một trăm lạy, rồi gói vào bọc ôm về nhà Ngã Dao Can, đặt trên giường, mọi người mỗi mỗi đều tản mác. Qua một ngày, bình minh hôm sau, mọi người lại tụ tập đến thì sáu trứng đã hóa ra một đứa bé có dung mạo kỳ vĩ, vẫn còn ngồi trên giường, nhân dân lễ bái chúc mừng, hết lòng cung kính, đứa bé lớn theo từng ngày. Mới mười ngày mà đã cao chín thước như Thiên Ất nhà Ân, dung mạo như rồng giống Cao Tổ nhà Hán, mi dáng chữ Bát () như Cao Tổ nhà Đường, mắt có hai con ngươi như vua Thuấn nhà Ngu; ngày mười lăm tháng ấy lên ngôi. Vì mới xuất hiện nên húy là Thủ Lộ, hoặc nói Thủ Lăng (Thủ Lăng là tên thụy sau khi băng hà), đặt tên nước là Đại Giá Lạc. Còn gọi là Già Da quốc, là một trong sáu Già da. Năm người kia mỗi mỗi làm vua một Già da. Nước này phía Đông đến sông Hoàng Sơn, Tây nam giáp biển xanh, Tây bắc giáp Địa Lý Sơn, Đông bắc giáp Nam Già Da sơn, đây là phần cuối của nước. Sai người xây Giả cung để ngự. Chỉ cần bền chắc đơn sơ, không cất phá cỏ tranh, chiếm đất chỉ ba thước. Qua năm thứ hai, Vương nói với dân rằng: “Trẫm muốn định kinh đô”. Bèn đến Tân Đạp Bình (vùng này xưa nay là ruộng hoang, vì mới canh tác nên gọi như thế. Đạp là lời tục gọi). Phía Nam Giả cung, xem thấy bốn phía đều có núi non, Vương nói với kẻ tả hữu rằng: Đất này rất hẹp như là rau đắng, nhưng rất kỳ dị, có thể

là trụ xứ của mười sáu La-hán, hưởng gì từ một thành ba, từ ba thành bảy. Trụ xứ của bảy Thánh chắc chắc là hợp với nơi đây”. Lấy đất mà khai lập bờ cõi, rốt cuộc đã thành sự thật ư?

Vương lập La Thành, chu vi một ngàn năm trăm bộ, trong đó gồm xây cấm cung điện đường, nhà cửa các quan, kho vũ khí, kho lương thực... sau khi xong việc Vương về Giả cung, trưng dụng tất cả trai tráng, dân phu, thợ giỏi. Vào ngày hai mươi tháng này xây dựng tường thành kiên cố, đến ngày mười tháng ba thì xong, còn những cung điện, nhà cửa thì đợi xong nông vụ rồi mới làm. Lại bắt đầu từ tháng mười năm ấy đến tháng hai năm Canh Thìn thì hoàn thành. Sau đó chọn ngày giờ đại cát, Vương ngự giá về cung mới, trị vì vạn dân, siêng năng với quốc sự. Một hôm bỗng có phu nhân của Hàm Đạt Vương nước Hoàn Hạ có thai, đủ tháng sinh ra một cái trứng, trứng hóa thành người đặt tên là Thoát Giải, từ biển mà vào, thân cao ba thước, đầu tròn một thước, vui mừng vào cung cấm nói với Vương rằng:

- Ta muốn đoạt lấy vương vị, nên đến đây!

Vương đáp rằng:

- Trời ban cho ta ngôi vị này, để định yên đất nước, vỗ an muôn dân, chẳng dám trái mệnh trời mà trao ngôi vị, lại chẳng dám trao nước và dân của ta vào tay người!

Thoát Giải nói:

- Như ngài có thể cùng tôi đấu pháp thuật chăng?

Vương nói:

- Được! Có thể!

Trong khoảnh khắc Giải hóa làm chim ưng, Vương hóa làm chim Thửu, Giải lại biến thành chim sē, Vương hóa thành chim diêu (chim cứt); bấy giờ chưa dời được tấc bóng. Giải thâu phép trở lại nguyên hình, Vương cũng thế. Giải vòng tay nói rằng:

- Tôi cũng vừa ở nơi đấu pháp thuật, ưng bằng thửu, sē bằng diêu, tất cả đều không tổn thương. Đó là do lòng nhân từ, ghét sát sinh của bậc Thánh mà như thế. Ta và Vương cũng rất khó tranh vương vị!

Nói xong liền bái từ mà đi. Giải đi đến đầu bến ngoài Lâm Giao, muốn đợi đến sáng mai ghé bến theo đường thủy mà đi. Vương sợ Giải ở lại sẽ mưu loạn, nên gấp sai năm trăm chiến thuyền đuổi theo. Giải chạy đến địa phận Kê lâm thì các chiến thuyền trở về.

Bài ký này ghi chép rất khác với Tân La.

Ngày hai mươi bảy tháng bảy năm Mậu Thân, niên hiệu Kiến Võ hai mươi bốn, chín Can vào châu tâu rằng:

- Từ ngày Đại Vương giáng xuống nơi đây, đến nay mà chưa có phối ngẫu thích hợp, xin cho chúng thần tuyển chọn các cô con gái của mình, ai tuyệt mỹ sẽ được tiến cung làm phu nhân Đại vương!

Vương nói:

- Trẫm xuống đây là do mệnh trời, phu nhân của trẫm cũng phải do trời định! Các khanh chớ nên lo lắng!

Sau đó Vương sai Lưu Thiên Can dẫn thuyền nhẹ, dắt tuấn mã đến đảo Vọng sơn đứng chờ. Vương lại sai Thần Quỷ Can đến Thừa Cổ (Đảo Vọng sơn tức là một hòn đảo nhỏ của Kinh Nam Đảo. Thừa Cổ tức là Liễu Hạ Quốc). Bỗng nhiên ở góc Tây nam của biển hiện các cánh buồm lùa, giương cờ đỏ tiến thẳng lên hướng Bắc. Lưu Thiên Can... đốt lửa trên đảo, thì các cánh buồm tranh nhau chạy vào đất đảo, rồi tranh nhau đến nơi đốt lửa. Thần Quỷ Can thấy vậy liền vào cung tâu với Vương, Vương nghe được thì rất vui mừng, sai chín Can giương cánh buồm lan, bạt mái chèo quế ra đảo nghênh đón. Đến nơi đoàn người muốn mời Vương hậu vào cung. Bà nói rằng: “Ta với các khanh bình sinh chưa từng quen biết, đâu dám khinh suất mà đi theo!”.

Lưu Thiên... trở về tâu lại lời của Hậu. Vương nói đúng thế, rồi sai quan lên đường, tính từ cung cấm đi về phía Tây nam sáu mươi bộ chọn khu đất bên núi giăng màn làm cung điện chờ đợi. Vương Hậu ở Biệt Phố Tâm bên ngoài núi, ngồi thuyền lên đất liền, dừng nghỉ ở một mỏm đá cao, cởi khố lụa đang mặc làm lễ vật, tặng sơn thần. Những người đi theo gồm hai viên thị thần là Thân Phụ và Triệu Khuông, và hai người vợ của hai viên quan này là Mộ Trinh, Mộ Lương, và các tôi tớ tổng cộng hơn hai mươi người, cũng dâng tặng gấm lụa, vải vóc, quần áo, vàng bạc, châu ngọc... nhiều không thể tính kể.

Vương Hậu dần dần đến gần hành cung thì Vương ra nghênh tiếp, đưa vào trướng, thị thần và các người đi theo đều đến yết kiến Vương rồi lui ra. Vương bảo quan Hữu Ty rằng: “Vợ chồng của Thị thần thì sắp đặt mỗi mỗi một phòng, còn các tôi tớ thì sắp xếp năm, sáu người một phòng, ban cho nước thơm, rượu ngon; ngủ thì đệm hoa, chiếu đẹp; đến như y phục cũng toàn là các loại vải lụa đắt tiền, đồng thời tuyển chọn những binh sĩ tài giỏi bảo vệ.

Bấy giờ Vương và Hậu cùng nghỉ tại Ngự Quốc Tẩm, Hậu từ tốn nói với Vương rằng:

- Thiếp là Công chúa nước A Du Đà, họ Hứa, tên là Hoàng Ngọc, năm nay mười sáu tuổi; vào tháng năm này, lúc còn ở tại bản quốc, phụ vương và mẫu hậu nói với thiếp rằng: Cha mẹ một hôm nằm mộng đồng

thấy Hoàng Thiên thượng đế đến nói rằng: “Vua nước Già Lạc là Thủ Lộ, được trời sai xuống làm vương; là thần là Thánh chỉ có người này vậy! Hơn nữa vừa mới lập nước chưa có người phối ngẫu, khanh nên sai công chúa đến đó mà làm Vương hậu!”

Nói xong liền trở về trời. Lúc tỉnh dậy mà lời của Thượng Đế vẫn còn ở bên tai. Do đó con nên mau từ song thân mà lên đường đến nơi ấy!”

Thiếp cũng bỗng bệnh trên biển với vợ tìm cảnh Bồng Lai, đi khắp bầu trời thênh thang mà đến hội Bàn Đào; người đẹp tạ ân long nhan ban cho sự gấm gùi này!

Vương liền đáp:

- Trẫm sinh vào thời ít Thánh nhân, biết trước công chúa sẽ từ xa đến, các đại thần có lời xin nạp phi mà trẫm chưa dám nghe theo. Nay Trinh Thục đã tự đến, người hèn mọn như ta đây thật là may mắn lắm!

Nói xong cả hai cùng hợp hoan. Qua hai đêm một ngày thì trở lại đoàn thuyền đã đưa mình đến, ban thưởng cho mười lăm thuyền trưởng và các tay chèo, mỗi người mười thạch lương thực, ba mươi xấp vải cho trở về bản quốc. Ngày mồng một tháng tám Vương và Hậu cùng ngồi chung xe khởi giá về cung; vợ chồng hai thị thần cũng đều theo hầu giá. Những đồ vật của đất Hán, cũng sai người chuyên chở, dần dần tiến vào cung. Bấy giờ đúng vào giờ Ngọ. Vương Hậu ở tại trung cung; sắc ban cho vợ chồng các thị thần và những vật dụng tư thuộc phân ra ở hai phòng trống, còn những người tùy tùng khác cho ở một tòa gồm hơn hai mươi gian phòng khách, tính số người mà phân chia sắp xếp. Hằng ngày cung cấp đầy đủ. Còn các cửa cải mà đã mang theo thì cất giữ trong Nội khố để tiện làm chi phí bốn mùa cho Vương Hậu.

Một hôm Vương nói với các quan rằng:

- Chín Can đều là những người đứng đầu các quan mà vị và danh đều là tên gọi của hàng thứ dân thấp kém, chưa phải là tên gọi các quan vị, ví như truyền ra đến các nước, ắt họ sẽ có ý khinh thị chê cười; do đó nay thay đổi, gọi Ngã Dao là Ngã Cung, Nhữ Dao là Nhữ Hải, Bử Dao là Bử Tạng, Ngũ Đạo là Ngũ Thường, Lưu Thủy và Lưu Thiên không đổi chữ trước, chỉ đổi chữ sau gọi là Lưu Công, Lưu Đức. Đổi Thần Thiên thành Thần Đạo; Ngũ Thiên thành Ngũ Năng, Thần Quỷ thì giữ nguyên. Đổi Huấn làm Thần Quý. Dùng các chức vị lễ nghi của Kê Lâm, đặt các phẩm trật Giác Can, A Sát Can, Cấp Can, còn các quan liêu thấp thì theo cách định đặt của nhà Chu, lễ nghi của nhà Hán mà phân định. Đó là khởi đầu cho các Đạo phân quan lập chức thay cũ

theo mới vậy.

Bấy giờ Vương định nước yên nhà, thương dân như con ruột, giáo chẳng khắc khe mà có uy, chánh chẳng hà khắc mà dân yên trị. Lại có Vương hậu chung sống như trời có đất, nhật có nguyệt, dương có âm. Công lao của Hậu cũng bằng Đồ Sơn giúp nhà Hạ. Đường Hoãn hưng thịnh nhà Kiêu. Trải qua nhiều năm, một hôm Vương hậu nằm mộng được điềm sinh con trai, nên sau đó sinh hạ thái tử Cư Đẳng Công. Vào ngày một tháng ba năm Kỷ Ty niên hiệu Trung Bình đời Hán Linh Đế, Vương Hậu băng hà thọ một trăm năm mươi bảy tuổi, người cả nước than khóc như đất trời sụp lở. An táng tại đồi phía Đông bắc Quy Chỉ. Vì muốn cho mọi người chẳng quên ân thương dân như con, nên đặt tên cho thôn có bến thuyền mà lúc Hậu mới ghé lại là Chủ Phố Thôn, gò cao ngồi cỡi khố là Lăng Hiên. Vùng biển mà cờ đỏ xuất hiện gọi là Kỳ Xuất Biên. Các thị thần là Tuyên Phủ Khanh Thân Phụ, Tông Chánh giám Triệu Khuông đến nơi đây đã được ba mươi năm, về sau mỗi người sinh được hai người con gái, vợ chồng cách một, hai năm thì qua đời. Còn những kẻ nô bộc từ khi đến nước này trải qua bảy, tám năm mà chưa muốn sinh con, chỉ ôm lòng sâu nhớ cố hương, nên lần lượt mà qua đời, khiến cho nơi ở vắng người. Vương mỗi khi ca bài Quan Chẩm (goá vợ) thì than thở hồi lâu. Mười năm sau, vào ngày hai mươi ba tháng ba năm Kỷ Mão, niên hiệu Kiến An thứ tư đời Hiến Đế, Vương băng hà thọ một trăm năm mươi tám tuổi. Người trong nước cảm thấy như mất trời, buồn đau còn hơn ngày Vương hậu mất. Thần dân và các quan chọn vùng đất bằng phẳng, đông bắc cung điện xây dựng một lăng mộ cao một trượng, chu vi ba trăm bộ để an táng Vương, hiệu là Thủ Lăng Vương Miếu. Từ con của Vương là Cư Đẳng Vương đến đời cháu thứ chín là Cừ Xung đều được thờ phụng tế lễ lại miếu này. Mỗi năm vào mồng ba mồng bảy của tháng giêng; mồng năm của tháng năm; mồng năm và mười lăm tháng tám đều có tế lễ lớn liên tục chẳng dứt. Đến ngày ba tháng ba năm Tân Dậu niên hiệu Long Sóc thứ nhất; đời ba mươi của Tân La là Pháp Mẫn Vương ban chiếu rằng: “Trẫm là Cừ Xung Vương cháu chín đời của Nguyên Quân (Thủ Lộ Vương) nước Già Da giáng sinh đến đất nước này, dẫn theo Can là con của Thế Tông và con của Hữu Công (Dữu Công). Con gái của Thứ (Thư) Vân Táp Can là Văn Minh hoàng hậu chính là mẹ ta, cho nên Nguyên Quân người Ấn Xung là Thỉ Tổ mười lăm đời. Tuy nước đã bị mất mà lăng miếu vẫn còn, vậy nên tiếp tục tế lễ ở Tông Diêu (miếu thờ tổ tiên nhiều đời trước). Bèn khiến sứ đến vùng đất ở Tất Ly chọn lấy ba mươi khoảnh

ruộng tốt gần Thái miếu để lo việc tế tự, gọi đó là Vương vị điền, giao cho địa phương quản lý. Cháu mười bảy đời của Vương là Tái Thế Cấp Can vâng lãnh thánh chỉ canh tác ruộng này. Hằng năm dâng rượu, bánh trái, cơm nước trà cùng các phẩm vật khác để tế lễ chẳng bao giờ đoạn tuyệt. Ngày cúng tế thì chẳng bỏ năm ngày mà Cư Đẳng Vương đã định đặt trong một năm. Hương thơm hiếu tế lúc bấy giờ là do ta!”

Từ năm Kỷ Mão Cư Đẳng Vương lên ngôi lập Tiễn Phòng đến đời Cừu Xung, trong thời gian ba trăm ba mươi năm, các lễ nghi nhạc khúc cúng tế ở miếu không có người trái phạm. Đến lúc Cừu Xung mất, vong quốc đến năm Tân Dậu, niên hiệu Long Sóc thứ nhất, gồm sáu mươi năm, tế lễ ở miếu này hoặc giả đã đoạn dứt.

Quý thay! Võ Vương (thụy hiệu của Pháp Mẫn) trước thì thờ phụng Tôn Tổ, hiếu thật là chí hiếu! Nói lại việc tế tự đã đoạn tuyệt, khôi phục khiến thực hành.

Vào cuối đời Tân La có Trung Chí, Giác Can đánh chiếm thành Kim quan làm thành chủ Tướng quân. Lại có Anh Quy A Can mượn uy của Tướng quân đoạt miếu đường làm dâm từ; một hôm nhằm tiết Đoan Ngọ mà A Can tế cáo, bỗng cây xà của từ đường vô cớ gãy rơi xuống đè chết A Can. Bấy giờ Tướng quân tự nghĩ rằng: “Do nhân đời trước ta quá may mắn! Làm nhục nơi Thánh Vương cư ngụ, nơi tế lễ của quốc thành mà bị như thế. Nay ta nên họa chân tượng, hương đèn cúng tế, để đáp lại ân đức kia!”

Tướng quân bèn dùng ba thước lụa tốt phỏng vẽ hình tượng của Vương, treo lên vách ngày đêm đốt đèn chí thành chiêm ngưỡng. Mỗi được ba hôm, từ hai con mắt của ảnh bỗng nhiên tuôn hai dòng lệ máu đọng lại trên đất cả đầu. Tướng quân kinh hãi lấy chân tượng đem đến miếu mà đốt, rồi triệu cháu chi chánh của Vương là Khuê Lâm đến nói rằng: “Hôm qua có việc chẳng lành, vì sao lại chông chất như thế! Đó ắt là do oai linh của miếu nổi giận, vì ta họa hình tượng thờ cúng mà không phải là con cháu. Anh Quy đã chết, ta rất kinh lạ; nay ảnh đã cháy, ắt là bị âm linh trách phạt. Khanh là cháu chính của Vương, nên y theo lệ cũ mà tế tự! Khuê Lâm kế tục đời đời cúng tế, đến năm tám mươi tám tuổi thì qua đời; con là Gian Nguyên cũng tiếp tục việc này. Ngày Đoan Ngọ đến miếu tế lễ, bỗng con của Anh Quy là Tuấn Tất phát cuồng chạy đến khiến triệt bỏ những vật tế của Gian Nguyên, rồi đặt vật cúng của mình lên mà tế, chưa xong ba tuần trà hiến cúng thì phát bạo bệnh, đưa về đến nhà, thì chết. Người xưa có câu rằng: “Dân từ thì vô phước, trái nghịch gặp tai ương. Trước có Anh Quy, sau có Tuấn Tất, chính là

cha con người này.”

Lại có một bọn cướp cho rằng trong miếu có nhiều vàng ngọc, muốn đến trộm lấy. Lần thứ nhất, có một lực sĩ thân mang giáp trụ, tay giương cung lấp tên, từ trong miếu bước ra bắn tên như mưa bốn phía, trúng chết bảy, tám tên. Bọn cướp liền bỏ chạy tán loạn. Vài ngày sau lại đến, thì có một con rắn lớn, thân dài hơn ba mươi thước, mắt chiếu sáng như hai luồng điện, từ miếu bò ra, mổ chết tám, chín người; những kẻ may mắn thoát được, thì đều hoảng sợ bỏ chạy té ngã tứ tán. Cho nên biết trong ngoài khu vực lũng nhất định có thần vật bảo vệ. Từ năm Kỷ Mão niên hiệu Kiến An thứ tư, mới tạo dựng đến nay là năm Bính Thìn niên hiệu Đại Khang thứ hai, Thánh Thượng lên ngôi ba mươi một năm, gồm tất cả là tám trăm bảy mươi tám năm, phàm những ruộng đất tốt được ban tặng vẫn không thiếu, không lở, cây cối trồng vẫn chẳng khô, chẳng mục, hà hướng những mảnh ngọc được sắp đặt trang trí cũng chẳng hư hoại đổ vỡ. Do đó mà xét lời Tân Thế Phủ ghi: “Từ xưa đến nay đâu có nước nào chẳng mất, phần mộ nào chẳng bị phá, chỉ có nước Giá Lạc khi xưa đã bị mất” thì biết có chứng cứ. Nếu miếu Thủ Lộ chẳng bị phá hủy, thì lời của Thế Phủ chưa đủ tin.

Ở đây lại có một việc rất vui nhộn đáng ghi nhớ, ngưỡng mộ. Tức mỗi năm vào ngày hai mươi chín tháng bảy, quan, dân vùng này đều leo lên Thừa Hồ, giăng màn trướng, uống rượu ăn thịt hò hét, mắt nhìn khắp nơi. Những người khỏe mạnh phân chia làm hai bên trái phải, từ hướng Sơn đảo, phi ngựa chạy nhanh tranh nhau ghé vào đất liền; một bên thì làm các con thuyền nhấp nhô trên biển, hướng về phía Bắc tranh nhau mà bơi đến Cổ phố. Đó là sự tích của Lưu Thiên, Thần Quỷ... mong Vương hậu đến, rồi chạy nhanh về tàu lại cho Vương.

Sau khi nước mất, trải qua các đời, gọi vùng đất này với nhiều tên khác nhau. Đời vua ba mươi một của Tân La là Chánh Minh Vương lên ngôi năm Tân Ty, niên hiệu Khai Diệu thứ nhất, gọi nơi này là Kim Quan Kinh, đặt chức Thái Thú. Sau hai trăm năm mươi chín năm, khi Thái Tổ thống nhất thì gọi là huyện Lâm Hải, đặt chức Bài Ngạn Sứ, được bốn mươi tám năm. Kế đến đổi thành quận Lâm Hải hoặc phủ Kim Hải, đặt Đô Hộ Phủ, được hai mươi bảy năm. Lại đặt quan Phòng Ngự Sử, được sáu mươi bốn năm. Đến năm Thuần Hóa thứ hai thì quan Lượng Điền Sứ Trung Đại Phu Triệu Văn Thiện ở Kim Hải Phủ dâng tấu văn cho rằng ruộng đất thuộc miếu của Thủ Lộ Lăng Vương quá nhiều, nên để lại mười lăm khoảnh như trước, còn lại bao nhiêu phân chia cho dân trong phủ. Bấy giờ Miếu Triều tuyên chỉ rằng: “Trưng

từ trời giáng hạ, hóa làm Thánh quân tại vị rất lâu, đến một trăm năm mười tám năm. Từ Tam Hoàng đến nay ít có ai sánh được. Sau khi băng hà, từ các đời trước đã cấp cho ruộng đất thuộc làng miếu, mà nay giảm bớt, thật đáng nghi sợ”. Do đó chẳng chấp thuận. Sứ lại dâng tấu văn, thì triều đình đồng ý, cho một nửa số ruộng không được động đến thuộc về miếu, một nửa phân ra cấp cho các hộ trong làng. Tiết Sứ (tức Lương Điền Sứ) lãnh chỉ, phân một nửa thuộc về làng miếu, một nửa chia cấp cho các hộ lao dịch trong phủ. Việc sắp xong nhưng rất mỏi mệt. Bỗng một đêm nằm mộng bảy, tám quý thần cầm dây, mang đao kiếm đến nói rằng: “Người có tội rất nặng, nên đến chém đầu đây!”

Sứ cho rằng thật lãnh thọ hình phạt nên rất khổ sở, kinh hoàng mà giật mình thức giấc, nhân đó mà phát bệnh, nhưng chẳng cho mọi người biết, nửa đêm trốn đi, không quản gì đến bệnh hoạn, vừa qua khỏi quan ải thì chết. Vì thế sổ sách của Lương điền đô không có đóng dấu. Sau có người phụng chỉ đến kiểm tra lại số ruộng trên thì mới được một kết (mẫu), mười hai phụ, chín thức, còn thiếu ba kết, tám mươi bảy phụ, một thức, bèn tra xét chỗ không chính đáng, báo cáo các quan viên trong ngoài phủ. Vua hạ chiếu bổ sung cho đủ mà phân chia.

Lại có một việc mà xưa nay mọi người đều than thở; số là cháu tám đời của Nguyên Quân (Thủ Lộ Vương) là Kim Trát Vương siêng năng việc triều chánh, lại rất tôn sùng chân đạo, vì muốn tạo mình phước cho Tổ mẫu là Hứa hoàng hậu, nên vào năm Nhâm Thìn niên hiệu Nguyên Gia hai mươi chín, ngay trên khu đất Nguyên Quân hoàng hậu hợp hôn, Vương cho xây một ngôi chùa đề là Hoàng Hậu Tự, sai người chọn mười mẫu ruộng tốt gần một bên chùa để làm tư tài cúng dường Tam bảo. Từ khi có chùa này đến năm trăm năm sau, cứ sai chùa Trường Du nạp ruộng vào rừng lấy củi đến ba trăm mẫu. Bấy giờ Tả Tự Tam Cang nằm trong khu vực Đông nam rừng củi chùa Hoàng Hậu, đã bị đổi thành trang trại làm kho cất chứa gạo thóc, và chuồng nuôi trâu ngựa. Thật đáng buồn thay!

Từ Thế Tổ trở xuống trải qua chín đời được lược ghi ở văn sau. bài minh ghi:

*Hỗn độn vừa khai
Thái dương mới hiện
Loài người tuy có
Thánh chúa chưa thành
Trung Quốc nhiều đời
Đông Hải mới phân*

*Kê Lâm định trước
Gia Lạc lập sau
Như không chủ tế
Ai dất ngu dân
Do đây huyền tạo
Cứu giúp sinh linh
Trời trao mạng lệnh
Sai khiến tinh linh
Trứng giáng non cao
Hình ẩn sương mù
Trong còn tăm tối
Ngoài cũng mịt mờ
Xem chẳng thấy hình
Nghe trời có tiếng
Đồng hát mà râu
Cùng múa để trình
Đến bảy ngày sau
Tất cả yên bình
Gió thổi mây tan
Trời xanh lồng lộng
Ban sáu trứng tròn
Từ sợi tơ đỏ
Xứ kia cõi nọ
Nhà cửa nối liền
Xem giống như tường
Nhìn đông như nước
Năm về các xứ
Một trụ thành này
Đồng thời đồng chốn
Như đệ như huynh
Thật đức trời sinh
Khuôn phép cho đời
Vừa lên vương vị
Cõi muốn thanh bình
Lâu các theo xưa
Phòng ốc đơn giản
Vạn dân vừa gắng
Chánh trị thi hành*

Không thiên không lệch
 Nhất nhất tinh cần
 Người đi nhường đường
 Nhà nông nhường cấy
 Bốn phương yên giấc
 Vạn thánh thanh bình
 Bổng chốc sương khô
 Chẳng toàn thọ mạng
 Đất trời biến đổi
 Triều, dã tang thương
 Vàng hiện dấu tích
 Ngọc phát âm thanh
 Hậu duệ chẳng dứt
 Phẩm vật ngát hương
 Ngày tháng đã xa
 Phép tắc chẳng mất.
 Cư Đấng Vương.

Cha là Thủ Lộ Vương, mẹ là Hứa Hoàng Hậu, lên ngôi vào hai mươi ba tháng ba năm Kỷ Mão, niên hiệu Lập An thứ tư, tại vị bốn mươi chín năm, băng hà vào ngày mười bảy, tháng chín năm Quý Dậu, niên hiệu Gia Bình thứ năm. Vương phi là Mộ Trinh, con gái của Tuyên Phủ Khanh Thân Phụ. Sinh thái tử tên là Ma Phẩm. Khai Hoàng Lịch ghi: Họ Kim; vì Thế Tổ khai quốc từ trứng vàng (Kim) mà sinh, nên lấy họ là Kim.

Ma Phẩm Vương, còn gọi là Mã Phẩm, họ Kim, lên ngôi năm Quý Dậu niên hiệu Gia Bình thứ năm, tại vị ba mươi chín năm, băng hà vào ngày hai mươi chín tháng giêng năm Tân Hợi, niên hiệu Vĩnh Bình thứ nhất. Vương phi là Hiếu Cừ cháu gái của Tông Chánh Giám Triệu Khuông, sinh thái tử là Cư Sắt Nhĩ.

Cư Sắt Nhĩ Vương còn gọi là Kim Vật, họ Kim, lên ngôi vào năm Vĩnh Bình thứ nhất, tại vị năm mươi sáu năm, băng hà vào ngày mồng tám tháng bảy năm Bính Ngọ, niên hiệu Vĩnh Hòa thứ hai. Vương phi là A Chí cháu gái của A Cung A Can, sinh thái tử là Y Phẩm.

Y Thi Phẩm Vương, họ Kim lên ngôi vào niên hiệu Vĩnh Hòa thứ hai, tại vị sáu mươi hai năm, băng hà vào ngày mười tháng bốn năm Đinh Mùi, niên hiệu Nghĩa Hi thứ ba. Vương phi tên là Trinh Tín, con gái của Tư Nông Khanh Khắc Trung. Sinh được thái tử là Tọa Tri.

Tọa Tri Vương, còn gọi là Kim Sắt, lên ngôi năm Nghĩa Hi thứ

ba, cưới một tỳ nữ làm phi, dùng các người nữ làm quan, nước sinh biển loạn, nước Kế Lâm muốn mưu đồ chinh phạt. Có một vị quan tên là Phác Nguyên Đạo can gián rằng: “Xem di cỏ của người xưa cũng còn bao hàm những lời phò giúp, hà huống gì người, như trời tan đất hoại, thì người bảo vệ cơ nghiệp gì?”. Vả lại Bốc Sự cũng gieo cho Vương được quả “giải”: Lời quả ghi: “Giải thì hối lỗi, kết bạn đến đây mà thôi! Vương nên xét quả dịch này!”.

Wương cảm tạ và nói: “Nên đuổi tỳ nữ kia, đày đến đảo Hà Sơn. Sửa đổi việc trị chánh, dùng thưởng phạt để trị an dân. Vương tại vị mười lăm năm; băng hà vào ngày hai mươi tháng năm năm Tân Dậu, niên hiệu Vĩnh Sơ thứ hai. Vương phi là Phước Thọ, con gái của Đại Ninh Đại A Can, sinh thái tử là Xuy Hi.

Xuy Hi Vương còn gọi là Sắt Gia, họ Kim, lên ngôi vào năm Vĩnh Sơ thứ hai, tại vị ba mươi một năm, băng hà vào ngày ba tháng hai năm Tân Mão, niên hiệu Nguyên Gia hai mươi tám. Vương phi là Nhân Đức, con gái của Tấn Tư Giác Can, sinh vương tử là Trất Trí.

Trất Trí Vương còn gọi là Kim Trất Vương, lên ngôi vào năm Nguyên Gia hai mươi tám. Năm sau vì muốn cầu minh phước cho Vương hậu Hứa Hoàng Ngọc của Thế Tổ, nên đầu tiên xây chùa Vương Hậu trên mảnh đất mà bà cùng với Thế Tổ hợp hôn, ban cho mười mẫu ruộng để lo Tam bảo. Vương trị vì bốn mươi hai năm, băng hà vào ngày bốn tháng mười năm Nhâm Thân, niên hiệu Vĩnh Minh thứ mười. Vương phi là Bang Viện, con gái của Kim Tương Sa Can, sinh thái tử là Kiềm Tri.

Kiềm Tri Vương, còn gọi là Kim Kiềm Tri lên ngôi năm Vĩnh Minh thứ mười, tại vị ba mươi năm, băng hà vào ngày bảy tháng tư năm Tân Sửu, niên hiệu Chánh Quang thứ hai. Vương phi là Thục, con gái của Xuất Trung Giác Can, sinh thái tử là Cừu Xung.

Cừu Xung Vương, họ Kim lên ngôi năm Chánh Quang thứ hai trị vì bốn mươi hai năm. Tháng chín năm Nhâm Ngọ, niên hiệu Bảo Định thứ hai, Chân Hưng Vương của Tân La (đời hai mươi bốn) đem binh chinh phạt. Vương thân chinh cầm quân, nhưng quân Tân La đông, quân ta ít nên chẳng thể chống cự được, bèn sai thân thuộc là Thoát Tri Nhĩ Sắt Kim ở lại bản quốc, còn Vương cùng với Vương Tử, Thượng Tôn Tốt Chi Công... sang hàng Tân La.

Wương phi là Quế Hoa con gái của Phân Sắt Thủy Nhĩ Sắt, sinh được ba người con: Một là Thế Tông Giác Can, hai là Mậu Dao Giác Can, ba là Mậu Đắc Giác Can.

Khai Hoàng lục ghi: Năm Nhâm Tý, niên hiệu Trung Đại Thông thứ tư đời Lương, Bách Tế hàng Tân La.

Bàn rằng: Xét Tam Quốc Di Sử, vào năm Nhâm Tý niên hiệu Trung Đại Thông thứ tư đời Lương, Cừ Xung dâng đất hàng Tân La. Nếu tính từ năm Nhâm Dần, niên hiệu Kiến Võ mười tám đời Đông Hán Thử Lộ lên ngôi, đến năm Nhâm Tý cuối triều Cừ Xung tổng cộng được bốn trăm chín mươi năm. Nếu lấy đây mà khảo cứu, thì dâng đất hàng vào năm Nhâm Ngọ niên hiệu Bảo Định thứ hai đời Nguyên Ngụy, thì thêm ba mươi năm tổng cộng là năm trăm hai mươi năm. Nay hai thuyết vẫn còn.